BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 15/2016/TT-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 6508
Ngày: 05.10.16
Chuyển: pvl.2.Cm.

THÔNG TƯ

Hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Khoản 3 Điều 1 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 như sau:

1. Mẫu hồ sơ mời sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP (Mẫu số 01) áp dụng cho dự án đầu tư theo hình thức PPP quan trọng quốc gia, nhóm A và nhóm B.

2. Mẫu hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP (Mẫu số 02) áp dụng cho dự án đầu tư theo hình thức PPP quan trọng quốc gia, nhóm A và nhóm B đã thực hiện sơ tuyển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Áp dụng mẫu hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP

1. Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của từng dự án cụ thể, người có thẩm quyền, bên mời thầu có thể bổ sung các yêu cầu phù hợp trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu; đảm bảo không trái với quy định của pháp luật về đấu thầu; không được áp dụng các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra cạnh tranh không bình đẳng.

2. Đối với dự án không thực hiện sơ tuyển theo quy định tại Khoản 2 Điều 87 Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015, hồ sơ mời thầu được lập trên cơ sở chỉnh sửa Mẫu số 02, có bổ sung các nội dung yêu cầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được quy định tại Mẫu số 01.

3. Đối với dự án nhóm C, hồ sơ mời thầu được lập trên cơ sở vận dụng Mẫu số 02, có bổ sung các nội dung yêu cầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được quy định tại Mẫu số 01. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định áp dụng sơ tuyển, hồ sơ mời sơ tuyển và hồ sơ mời thầu được lập trên cơ sở vận dụng Mẫu số 01, Mẫu số 02.

4. Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 9 Nghị định 30/2015/NĐ-CP, hồ sơ yêu cầu được lập trên cơ sở vận dụng Mẫu số 02.

5. Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại điểm b, điểm c Khoản 3 Điều 9 Nghị định 30/2015/NĐ-CP, hồ sơ yêu cầu được lập trên cơ sở vận dụng Mẫu số 02, có bổ sung các nội dung yêu cầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được quy định tại Mẫu số 01.

6. Trong các Mẫu này, những chữ *in nghiêng* là nội dung mang tính hướng dẫn, minh họa và sẽ được cụ thể hóa căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của từng dự án.

Điều 4. Hợp đồng

Trên cơ sở hướng dẫn chung về nội dung hợp đồng dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức PPP, căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực của từng dự án cụ thể, người có thẩm quyền, bên mời thầu xây dựng dự thảo hợp đồng và đính kèm trong hồ sơ mời thầu. Dự thảo hợp đồng quy định chi tiết các điều khoản của hợp đồng để làm cơ sở cho các bên đàm phán sơ bộ, đàm phán, hoàn thiện, ký kết thỏa thuận đầu tư, ký kết và thực hiện hợp đồng, đảm bảo phân chia rõ trách nhiệm, rủi ro, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2016. Thông tư này thay thế nội dung về lựa chọn nhà đầu tư quy định tại Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, Hợp đồng BTO và Hợp đồng BT.

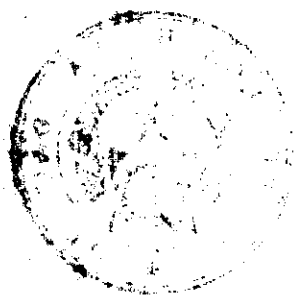
2. Trong quá trình thực hiện, theo yêu cầu, tính chất của ngành, lĩnh vực, nếu có nội dung cần ban hành hướng dẫn chi tiết, các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, hướng dẫn.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Nơi nhận:
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy Ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng TTĐT Chính phủ; Công báo;
- Cổng TTĐT Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (H305).



MẪU
HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN
LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ
(Mẫu số 01)

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư)

HỒ SƠ MỜI SƠ TUYỂN

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án theo đề xuất dự án hoặc
báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời sơ tuyển cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển]

Tư vấn lập hồ sơ mời sơ tuyển (nếu có)	**Bên mời thầu**
[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên, ký tên, đóng dấu]*

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT 4
TỪ NGỮ VIẾT TẮT 5
PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN 6
Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư 6
Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu 21
Chương III. Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển 27
Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển 34
PHẦN 2. BÁO CÁO TÓM TẮT DỰ ÁN 50
Chương V. Báo cáo tóm tắt dự án 50

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự sơ tuyển, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển và lựa chọn nhà đầu tư vào danh sách ngắn.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng dự án.

Chương III. Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển

Chương này bao gồm quy trình và tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển.

Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để tạo thành một phần nội dung của hồ sơ dự sơ tuyển.

PHẦN 2. BÁO CÁO TÓM TẮT DỰ ÁN

Chương V. Báo cáo tóm tắt dự án

Chương này cung cấp các thông tin cơ bản của dự án để nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự sơ tuyển.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSMT	Hồ sơ mời thầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 15/2015/NĐ-CP	Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư
Nghị định 30/2015/NĐ-CP	Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư

PHẦN 1. THỦ TỤC SƠ TUYỂN

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nội dung sơ tuyển	1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại **BDL** mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDST đối với dự án được mô tả trong Chương V - Báo cáo tóm tắt dự án. 1.2. Tổng mức đầu tư/Tổng vốn đầu tư của dự án được quy định tại **BDL**. 1.3. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại **BDL**. 1.4. Các thông tin cơ bản về dự án được nêu tại **BDL**.
2. Hành vi bị cấm	2.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 2.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu. 2.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu; b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDST, HSDT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu; c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng với nhà thầu hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận. 2.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào; b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDST, HSDT, thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; c) Nhà đầu tư cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDST, HSDT làm sai lệch kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

	2.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Các hành vi cản trở đối với nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. 2.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà đầu tư đối với dự án do mình làm bên mời thầu hoặc thực hiện các nhiệm vụ của bên mời thầu; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMST, HSMT đối với cùng một dự án; c) Tham gia đánh giá HSDST, HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với cùng một dự án; d) Là cá nhân thuộc bên mời thầu nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc là người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu đối với dự án do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư tham dự thầu; đ) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật Đấu thầu. 2.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại điểm e Khoản 8 Điều 73, điểm l Khoản 3 Điều 75, Khoản 7 Điều 76, Khoản 7 Điều 78 và điểm d Khoản 4 Điều 92 của Luật Đấu thầu: a) Nội dung HSMST, HSMT trước thời điểm phát hành theo

	quy định; b) Nội dung HSDST, HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDST, HSDT trước khi công khai kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; c) Nội dung yêu cầu làm rõ HSDST, HSDT của bên mời thầu và trả lời của nhà đầu tư trong quá trình đánh giá HSDST, HSDT trước khi công khai kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; d) Báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư trước khi công khai kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đ) Kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định; e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư được đóng dấu bảo mật theo quy định của pháp luật.
3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư	Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên trong liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 3.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp. 3.2. Hạch toán tài chính độc lập. 3.3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật. 3.4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **BDL**. 3.5. Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. 3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
4. Nội dung HSMST	4.1. HSMST gồm có Phần 1, Phần 2 và các tài liệu sửa đổi HSMST (nếu có) theo quy định tại Mục 7 CDNĐT, trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:

	Phần 1. Thủ tục sơ tuyển - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu - Chương III. Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá HSDST - Chương IV. Biểu mẫu dự sơ tuyển **Phần 2. Báo cáo tóm tắt dự án** - Chương V. Báo cáo tóm tắt dự án 4.2. Thông báo mời sơ tuyển do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMST. 4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMST, tài liệu giải thích làm rõ HSMST, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hoặc các tài liệu sửa đổi của HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNĐT mà không do Bên mời thầu cung cấp. 4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, báo cáo tóm tắt dự án và các yêu cầu khác trong HSMST để chuẩn bị HSDST.
5. Làm rõ HSMST, hội nghị tiền đấu thầu	5.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMST, nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị làm rõ tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT đến Bên mời thầu theo địa chỉ tại Mục 1.1 CDNĐT hoặc đặt câu hỏi trong hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) theo quy định tại Mục 5.2 CDNĐT. Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSMST của bất kỳ nhà đầu tư nào, Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời tất cả đề nghị làm rõ HSMST và gửi văn bản làm rõ HSMST cho nhà đầu tư có yêu cầu làm rõ HSMST và tất cả nhà đầu tư khác đã nhận HSMST từ Bên mời thầu, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMST thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMST theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT. 5.2. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại **BDL**. Mục đích của hội nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà

	nhà đầu tư thấy chưa rõ liên quan đến nội dung HSMST. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMST, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến Bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu. Nội dung trao đổi tại hội nghị tiền đấu thầu sẽ được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản, trong đó nêu rõ câu hỏi của nhà đầu tư và câu trả lời của Bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Các nội dung làm rõ được lập thành văn bản làm rõ HSMST và gửi đến tất cả các nhà đầu tư đã nhận HSMST từ Bên mời thầu. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMST. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. Trường hợp HSMST cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu sẽ phát hành văn bản sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNĐT.
6. Khảo sát hiện trường	6.1. Nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư (nếu có) được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư cam kết rằng Bên mời thầu không phải chịu bất kì trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **BDL**. 6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho Bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.
7. Sửa đổi HSMST	7.1. Việc sửa đổi HSMST được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSMST. Văn bản sửa đổi HSMST, bao gồm cả quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSMST. 7.2. Văn bản sửa đổi HSMST được gửi (trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc email) đến tất cả nhà đầu tư nhận HSMST từ Bên mời thầu. 7.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMST đến các nhà đầu

	tư đã nhận HSMST từ Bên mời thầu thực hiện theo quy định tại **BDL**. Nhằm giúp các nhà đầu tư có đủ thời gian để sửa đổi HSDST, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16.2 CDNĐT. Nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu về việc đã nhận được các tài liệu sửa đổi HSMST theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.
8. Chi phí dự sơ tuyển	Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDST. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự sơ tuyển của nhà đầu tư.
9. Ngôn ngữ của HSDST	HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại **BDL**.
10. Thành phần của HSDST	HSDST phải bao gồm các thành phần sau đây: 10.1. Đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; 10.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; 10.3. Giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển (trong trường hợp cần thiết); 10.4. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà đầu tư liên danh theo Mẫu số PL 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển; 10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT; 10.6. Các nội dung khác theo quy định tại **BDL**.
11. Đơn dự sơ tuyển	11.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự sơ tuyển phải được chuẩn bị theo Mẫu PL 01 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển, được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được ủy quyền; trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà đầu tư cần gửi kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu

	khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền). 11.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự sơ tuyển phải được chuẩn bị theo Mẫu PL 01 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển, do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, thành viên trong liên danh cần gửi kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền.
12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư	12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**. 12.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm: a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Phần B Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển; b) Các tài liệu khác theo quy định tại **BDL**.
13. Thời gian có hiệu lực của HSDST	13.1. HSDST phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**. HSDST nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 13.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDST, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDST. Nếu nhà đầu tư không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDST thì HSDST của nhà đầu tư không được xem xét, đánh giá tiếp. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn được phép cập nhật năng lực, kinh nghiệm của mình trong quá trình đánh giá HSDST. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.
14. Quy cách HSDST và chữ	14.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDST bao gồm: 01 bản gốc HSDST và một số bản chụp HSDST theo số lượng quy định

ký trong HSDST	tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HSDST", "BẢN CHỤP HSDST". Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDST thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL.** Trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HSDST SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HSDST SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HSDST THAY THẾ", "BẢN CHỤP HSDST THAY THẾ". 14.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì xử lý theo quy định tại **BDL**. 14.3. Bản gốc của HSDST phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự sơ tuyển, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDST (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDST. 14.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì HSDST phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện liên danh theo thỏa thuận liên danh. Văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh. 14.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự sơ tuyển.
15. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDST	15.1. Túi đựng HSDST bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDST, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN". Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSDST thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong túi bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN THAY THẾ".

	Các túi đựng: HSDST, HSDST sửa đổi, HSDST thay thế phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư. 15.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin: a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư; b) Tên người nhận là tên Bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT; c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.4 CDNĐT; d) Dòng chữ cảnh báo: "không được mở trước thời điểm mở thầu". 15.3. Trong trường hợp HSDST gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDST của Bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDST, tránh thất lạc, mất mát. 15.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMST này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDST trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDST theo hướng dẫn quy định tại các Mục 15.1 và 15.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDST nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.
16. Thời điểm đóng thầu	16.1. Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSDST đến địa chỉ của Bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định tại **BDL**. Bên mời thầu tiếp nhận HSDST của tất cả nhà đầu tư nộp HSDST trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà đầu tư tham dự sơ tuyển chưa mua hoặc chưa nhận HSMST trực tiếp từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMST thì nhà đầu tư phải trả cho Bên mời thầu khoản tiền bằng giá bán HSMST theo quy định tại **BDL** trước khi HSDST được tiếp nhận. 16.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu khi sửa đổi HSMST theo Mục 7 CDNĐT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời

	điểm đóng thầu mới được gia hạn. 16.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư đã nhận HSMST hoặc đã nộp HSDST, đồng thời đăng tải thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu (bao gồm thông báo bằng tiếng Anh đối với đấu thầu quốc tế). Khi thông báo, Bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới được gia hạn để nhà đầu tư có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDST theo yêu cầu mới. Nhà đầu tư đã nộp HSDST có thể nhận lại HSDST của mình để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDST thì Bên mời thầu quản lý HSDST đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".
17. HSDST nộp muộn	Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDST nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDST nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDST nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.
18. Sửa đổi, thay thế và rút HSDST	18.1. Sau khi nộp HSDST, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDST bằng cách gửi văn bản đề nghị có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDST. 18.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDST phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 14 và Mục 15 CDNĐT, trên túi đựng văn bản đề nghị phải ghi rõ "SỬA ĐỔI HSDST" hoặc "THAY THẾ HSDST"; b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT. 18.3. Văn bản đề nghị rút HSDST phải đảm bảo các điều kiện sau:

	a) Trên túi đựng văn bản phải ghi rõ "RÚT HSDST"; b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNĐT. HSDST mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư theo nguyên trạng. 18.4. Bên mời thầu chỉ chấp thuận việc sửa đổi hoặc rút HSDST của nhà đầu tư nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu.
19. Mở thầu	19.1. Ngoại trừ trường hợp HSDST nộp muộn theo quy định tại Mục 17 và HSDST mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 18.3 CDNĐT, Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin theo điểm b Mục 19.2 CDNĐT của tất cả HSDST đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự sơ tuyển. Chỉ có các HSDST được mở và đọc to trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 19.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDST theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở bản gốc HSDST, HSDST sửa đổi (nếu có) hoặc HSDST thay thế (nếu có) và đọc to, rõ những thông tin sau: tên nhà đầu tư, hiệu lực của HSDST, số lượng bản gốc, bản chụp và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết; c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự sơ tuyển, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có), thoả thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDST nào khi mở thầu, trừ các HSDST nộp muộn theo quy định tại Mục 17 CDNĐT. 19.3. Đối với trường hợp xin rút HSDST Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản đề nghị bên ngoài có ghi chữ "RÚT HSDST",

	túi đựng HSDST của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDST sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDST và vẫn mở HSDST tương ứng nếu văn bản đề nghị "RÚT HSDST" không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 19.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSDST Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng văn bản đề nghị "SỬA ĐỔI HSDST", văn bản đề nghị gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDST sửa đổi tương ứng trước khi mở HSDST ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSDST nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSDST không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 19.5. Đối với trường hợp thay thế HSDST Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản đề nghị bên ngoài có ghi chữ "THAY THẾ HSDST" và HSDST thay thế này sẽ được thay cho HSDST bị thay thế. HSDST bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSDST nếu văn bản đề nghị thay thế HSDST không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 19.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 19.2 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả các nhà đầu tư tham dự sơ tuyển.
20. Bảo mật	20.1. Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các HSDST đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDST của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDST. 20.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDST theo quy định tại Mục 21 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với Bên

	mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDST của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDST cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.
21. Làm rõ HSDST	21.1. Sau khi mở HSDST, trong trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. 21.2. Sau khi mở HSDST, nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSDST theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDST cần phải làm rõ. Tài liệu làm rõ HSDST được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDST. Việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà đầu tư tham dự thầu. 21.3. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà Bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ, hoặc nhà đầu tư có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDST của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại HSDST nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSDST. 21.4. Trường hợp sau khi hết hạn nộp HSDST, nhà đầu tư phát hiện HSDST thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà đầu tư được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi là một phần của HSDST. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

22. Các đối tác có liên quan	Nhà đầu tư phải kê khai các đối tác dự kiến sẽ cùng tham gia thực hiện dự án theo Mẫu PL 04 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển.
23. Đánh giá HSDST và xếp hạng nhà đầu tư	23.1. Việc đánh giá HSDST thực hiện theo quy trình và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III – Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển. 23.2. Việc xếp hạng nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại **BDL**.
24. Điều kiện được lựa chọn vào danh sách ngắn	Nhà đầu tư được xem xét, lựa chọn vào danh sách ngắn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 24.1. Có HSDST hợp lệ; 24.2. Có tổng điểm đánh giá về năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu, điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn mức điểm tối thiểu theo quy định tại Mục 2 Chương III – Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển; 24.3. Thuộc danh sách xếp hạng nhà đầu tư theo quy định tại Mục 23.2 CDNĐT.
25. Công khai kết quả sơ tuyển	Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển, Bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả sơ tuyển (danh sách ngắn) lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả sơ tuyển tới các nhà đầu tư nộp HSDST.
26. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình sơ tuyển, kết quả sơ tuyển đến Bên mời thầu, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại **BDL**. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật Đấu thầu và Điều 88, 89 và 90 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.
27. Xử lý vi phạm trong đấu thầu	27.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

	thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. 27.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 Mục này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. 27.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu, nhà đầu tư vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Người có thẩm quyền hoặc trong một Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại Khoản 3 Điều 90 Luật Đấu thầu. 27.4. Công khai xử lý vi phạm: a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp; b) Quyết định xử lý vi phạm được đăng tải trên Báo đấu thầu, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
28. Giám sát, theo dõi quá trình sơ tuyển	Người có thẩm quyền cử cá nhân hoặc đơn vị nêu tại **BDL** giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án. Trường hợp nhà đầu tư phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo với cá nhân hoặc đơn vị được phân công giám sát, theo dõi.

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

CDNĐT 1.1	Tên và địa chỉ của Bên mời thầu: - Tên Bên mời thầu:___ *[ghi tên Bên mời thầu]* - Đại diện:___ *[ghi tên đầy đủ của người đại diện]* - Số tầng/số phòng:__ *[ghi số tầng, số phòng (nếu có)]* - Tên đường, phố:___ *[ghi tên đường phố, số nhà]* - Thành phố:___ *[ghi tên thành phố hoặc thị trấn]* - Mã bưu điện:___ *[ghi mã bưu điện (nếu có)]* - Số điện thoại:___ *[ghi số điện thoại, bao gồm mã nước và mã thành phố]* - Số fax:___ *[ghi số fax, bao gồm mã nước và mã thành phố]* - Địa chỉ e-mail:___ *[ghi địa chỉ email (nếu có)]*
CDNĐT 1.2	- Tổng mức đầu tư của dự án:___ *[ghi tổng mức đầu tư của dự án bằng số và bằng chữ theo quyết định phê duyệt đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi]* - Tổng vốn đầu tư của dự án: ___ *[ghi tổng vốn đầu tư của dự án bằng số và bằng chữ VNĐ theo quyết định phê duyệt đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi]*
CDNĐT 1.3	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải thu xếp và huy động: - Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp[(1)]: ___ *[ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ]* - Vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động: ___ *[ghi vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động bằng số và bằng chữ]*
CDNĐT 1.4	Thông tin cơ bản của dự án bao gồm: *[ghi tóm tắt thông tin cơ bản dự án theo nội dung dưới đây trên cơ sở đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt]* a) Tên dự án:_____ b) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư:_____

[(1)] Yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định 15/2015/NĐ-CP.

	c) Tên đơn vị chuẩn bị dự án:_____ d) Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất:__ đ) Yêu cầu về kỹ thuật theo quy định tại Chương V; e) Tổng mức đầu tư/Tổng vốn đầu tư: _____ g) Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án:_____ h) Loại hợp đồng dự án:_____ i) Thời gian hợp đồng dự án:_____
CDNĐT 3.4	- Nhà đầu tư tham dự thầu là doanh nghiệp thì phải không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Bên mời thầu]* - Nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: + Tư vấn lập đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* [(2)] + Tư vấn thẩm định đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* + Tư vấn lập HSMST (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* + Tư vấn thẩm định HSMST (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* + Tư vấn đánh giá HSDST (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* + Tư vấn thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Nhà đầu tư tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với:____ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Bên mời thầu]*

[(2)] Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất thì không cần quy định nhà đầu tư phải độc lập về tài chính và pháp lý với tư vấn lập đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi.

CDNĐT 5.2	Hội nghị tiền đấu thầu *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* được tổ chức. *[Trường hợp Hội nghị được tổ chức: ghi ngày, giờ, địa điểm sẽ diễn ra hội nghị]*
CDNĐT 6.1	Bên mời thầu *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* tổ chức khảo sát hiện trường. *[Trường hợp Bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm]*
CDNĐT 7.3	Tài liệu sửa đổi HSMST sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà đầu tư đã nhận HSMST từ Bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu _____ ngày *[ghi số ngày cụ thể, nhưng phải bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDST và tối thiểu là 10 ngày]* Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMST không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.
CDNĐT 9	*[Căn cứ hình thức sơ tuyển, ghi rõ ngôn ngữ của HSDST:* *- Đối với sơ tuyển quốc tế:* *HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng:_____ [Trường hợp HSMST được viết bằng tiếng Anh thì ghi "tiếng Anh"; HSMST được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDST căn cứ vào nội dung của bản HSMST bằng tiếng Anh".* *Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDST có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang _____ [Trường hợp HSMST được viết bằng tiếng Anh thì ghi "tiếng Anh"; HSMST được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDST"]. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.* *- Đối với sơ tuyển trong nước:* *HSDST cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDST trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt.* *Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDST có thể được viết*

	bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung]
CDNĐT 10.6	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDST các tài liệu sau đây:___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDST ngoài các nội dung quy định tại Mục 10.1, 10.2, 10.3, 10.4 và 10.5 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là* "không áp dụng*"]*
CDNĐT 12.1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư: a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau: - Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp; - Báo cáo tài chính trong ___năm *[ghi số năm theo yêu cầu]* đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế xác nhận, các tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư hạch toán tài chính độc lập. b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây: - Các tài liệu nêu tại Điểm a Mục này đối với từng thành viên trong liên danh; - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu PL 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển.
CDNĐT 12.2 (b)	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDST các tài liệu sau đây:___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDST ngoài các nội dung quy định tại Mục 12.2 (a) CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là* "không áp dụng*"]*
CDNĐT 13.1	Thời hạn hiệu lực của HSDST là:____ngày *[ghi cụ thể số ngày, tối đa là 180 ngày]* kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNĐT 14.1	Số lượng bản chụp HSDST là: ___ *[ghi số lượng bản chụp cần thiết]* Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDST thì nhà đầu tư phải nộp

	các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDST.
CDNĐT 14.2	Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì HSDST của nhà đầu tư bị loại.
CDNĐT 16.1	- Thời điểm đóng thầu là: __ giờ__ phút, ngày__tháng__năm__ *[ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian từ ngày đầu tiên phát hành HSMST đến ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu là 30 ngày và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDST]* - HSMST có mức giá bán là: ____ *[ghi mức giá bán bộ HSMST, đảm bảo không quá 5.000.000 (năm triệu) đồng đối với sơ tuyển trong nước; không quá 10.000.000 (mười triệu) đồng đối với sơ tuyển quốc tế]*
CDNĐT 19.1	Thời điểm mở thầu là: ___ giờ___ phút, ngày__tháng__năm__ tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: - Số nhà/số tầng/số phòng: - Tên đường, phố: - Thành phố: *[ghi ngày, giờ và địa điểm tiến hành việc mở thầu, trong đó cần lưu ý quy định thời điểm mở thầu trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm đóng thầu]*
CDNĐT 21.3	Thời gian làm rõ HSDST của nhà đầu tư trong vòng: ___ ngày kể từ ngày Bên mời thầu có văn bản yêu cầu làm rõ. *[Bên mời thầu quy định số ngày phù hợp, đảm bảo nhà đầu tư có đủ thời gian làm rõ HSDST].*
CDNĐT 23.2	HSDST của nhà đầu tư có số điểm cao nhất được xếp thứ nhất. Trường hợp có nhiều hơn 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn____ *[căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, bên mời thầu quy định số lượng nhà đầu tư trong danh sách ngắn*

	đảm bảo tối thiểu là 03 nhà đầu tư và tối đa là 05 nhà đầu tư] nhà đầu tư xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn.
CDNĐT 26	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: a) Địa chỉ của Bên mời thầu: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của Bên mời thầu].* b) Địa chỉ của Người có thẩm quyền: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ ký kết hợp đồng dự án].* c) Bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].*
CDNĐT 28	Thông tin của cá nhân, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát, theo dõi: ____ *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ số điện thoại, số fax của cá nhân, đơn vị được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư của dự án (nếu có)]* *[Trường hợp không thực hiện giám sát, theo dõi thì ghi "không áp dụng"]*

CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDST

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ HSDST

1.1. Kiểm tra HSDST

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDST;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDST, bao gồm: Đơn dự sơ tuyển; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự sơ tuyển; giấy ủy quyền ký đơn dự sơ tuyển (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư và các nội dung khác thuộc HSDST theo quy định tại Mục 10 CDNĐT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá HSDST.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSDST

HSDST của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDST;

b) Có đơn dự sơ tuyển được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự sơ tuyển phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên thay mặt liên danh ký đơn dự sơ tuyển theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDST với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

d) Thời hạn hiệu lực của HSDST đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

đ) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh theo Mẫu PL 03 Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển;

e) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSDST được kết luận là "Hợp lệ" khi tất cả các nội dung được đánh giá là "Đáp ứng". HSDST của nhà đầu tư được kết luận là "Không hợp lệ" khi có bất kỳ nội dung nào được đánh giá là "Không đáp ứng" và khi đó HSDST của nhà đầu tư bị loại. Nhà đầu tư có HSDST hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Mục 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm ___ *[quy định là 100 hoặc 1.000]* trong đó mức yêu cầu tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là ___ % tổng số điểm *[quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 60%]* và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản tối thiểu là ___ % điểm tối đa của nội dung đó *[quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 50%]*.

Trường hợp liên danh, năng lực về tài chính của nhà đầu tư liên danh là tổng năng lực của các thành viên trong liên danh, đồng thời từng thành viên liên danh phải đáp ứng năng lực tương ứng với phần vốn góp chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính. Kinh nghiệm của nhà đầu tư liên danh thể hiện qua số dự án và bằng tổng số dự án của các thành viên trong liên danh đã thực hiện.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng 1 dưới đây:

BẢNG 1: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Tiêu chí đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết[1]	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
I. Năng lực tài chính (mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 50-60% tổng số điểm) [2]					
1	Giá trị tài sản ròng bình quân trong ____năm *[ghi số năm]*[3]				Giá trị tài sản ròng bình quân trong _____năm *[ghi số năm]*: _____ *[ghi giá trị tài sản ròng tối thiểu không thấp hơn yêu cầu về vốn chủ sở hữu tối thiểu quy định tại Mục 1.3 BDL]*
2	Vốn chủ sở hữu[4]				Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp: _____ *[ghi giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 1.3 BDL]*
3	Khả năng thu xếp vốn vay[5]				Vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động: ___ *[ghi vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động theo quy định tại Mục 1.3 BDL]*
II	***Kinh nghiệm của nhà đầu tư (mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 30-40% tổng số điểm)*** [6]				Số lượng tối thiểu các dự án mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu: _____ dự án *[ghi số lượng theo yêu cầu]*. Cách xác định dự án như sau[7]: - Loại 1: Dự án trong lĩnh vực _____ *[ghi lĩnh vực tương tự với lĩnh vực của dự án đang xét]* mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: + Dự án có tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư tối thiểu

					bằng_____ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư của dự án đang xét]* + Dự án mà nhà đầu tư có phần giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét. + Dự án đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc trong _____ năm gần đây *[ghi số năm theo yêu cầu]*. - Loại 2: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò nhà đầu tư vốn chủ sở hữu và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: + Dự án có tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư tối thiểu bằng_____ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 50%-70% tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư của dự án đang xét]*. + Dự án mà nhà đầu tư có phần vốn chủ sở hữu không thấp hơn yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét. + Dự án đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc trong _____năm gần đây *[ghi số năm theo yêu cầu]*. - Loại 3: Dự án trong lĩnh vực tương tự mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: + Giá trị gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng ____ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét]*. + Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong _____năm gần đây

					[ghi số năm theo yêu cầu]. - Loại 4: Dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu chính và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: + Giá trị gói thầu/hợp đồng tối thiểu bằng ____ *[ghi giá trị tương đương, thông thường trong khoảng 30%-70% giá trị công việc tương ứng của dự án đang xét].* + Gói thầu/Hợp đồng đã kết thúc trong _____năm gần đây *[ghi số năm theo yêu cầu].*
III. Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ, năng lực triển khai dự án và cam kết thực hiện dự án (mức điểm tối đa chiếm tỷ trọng 10% tổng số điểm)[8]					
1	Cách tiếp cận và phương pháp luận (bao gồm nhận xét về đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án)				
2	Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án (bao gồm sáng kiến cải tiến)				
3	Các tiêu chí khác khác [9]				

Ghi chú:

(1) Bên mời thầu quy định chi tiết hơn thang điểm đánh giá đối với từng tiêu chí.

[Ví dụ: Đối với tiêu chí "Kinh nghiệm của nhà đầu tư", Bên mời thầu có thể quy định thang điểm chi tiết như sau:

- Nhà đầu tư đã thực hiện 1-2 dự án: 50% điểm tối đa;

- Nhà đầu tư đã thực hiện 3-4 dự án: 70% điểm tối đa;

- Nhà đầu tư đã thực hiện từ 5 dự án trở lên: 100% điểm tối đa.]

(2) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu có thể điều chỉnh hoặc bổ sung các chỉ tiêu tài chính khác như: vốn lưu động bình quân hàng năm, doanh thu bình quân hàng năm, không lỗ lũy kế... hoặc sử dụng tiêu chí giá trị tài sản ròng của năm tài chính gần nhất trong trường hợp dự án khuyến khích sự tham gia của nhà đầu tư mới được thành lập.

(3) Giá trị tài sản ròng là phần chênh lệch giữa tổng tài sản và tổng nợ. Giá trị tài sản ròng hàng năm đánh giá khả năng sinh lợi của doanh nghiệp trong năm đó cũng như khả năng chịu lỗ của doanh nghiệp.

Nhà đầu tư phải cung cấp thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư theo Mẫu NL 01 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển.

Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu có thể bổ sung tiêu chí kiện tụng đang giải quyết của nhà đầu tư và yêu cầu nhà đầu tư cung cấp thông tin về các vụ kiện đang giải quyết tại thời điểm nộp HSDST. Trường hợp vụ kiện đang giải quyết được coi là có kết quả theo hướng bất lợi cho nhà đầu tư thì nhà đầu tư phải liệt kê chi phí liên quan đến các kiện tụng. Trong trường hợp này, giá trị tài sản ròng của nhà đầu tư được xác định bằng giá trị tài sản ròng trong báo cáo tài chính năm gần nhất trừ đi chi phí liên quan đến kiện tụng. Trường hợp, tại thời điểm nộp HSDST, nhà đầu tư chưa có đầy đủ thông tin về kết quả của vụ kiện đang giải quyết thì nhà đầu tư vẫn kê khai thông tin về những vụ kiện tụng này; đồng thời đến thời điểm nộp HSDT, nhà đầu tư phải cung cấp thông tin về kết quả của vụ kiện để làm cơ sở cập nhật lại năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

(4) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết về việc huy động vốn chủ sở hữu theo Mẫu NL 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển. Trong cam kết về huy động vốn chủ sở hữu, nhà đầu tư phải cung cấp thông tin về việc huy động vốn chủ sở hữu của các dự án đang thực hiện dở dang.

Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính của năm gần nhất của nhà đầu tư đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán và báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tại thời điểm tham gia dự án. Trường hợp HSMST chỉ yêu cầu năng lực tài chính trong năm gần nhất và nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm thì vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc

lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến thời điểm tham gia dự án; đồng thời đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ phải có văn bản cam kết về đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính của dự án.

Trường hợp tại cùng một thời điểm, nhà đầu tư tham gia nhiều dự án thì phải đảm bảo tổng số vốn chủ sở hữu đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án theo quy định.

(5) Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết huy động vốn vay theo Mẫu NL 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển. Nhà đầu tư nộp kèm theo văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đối với phần nghĩa vụ tài chính còn lại (ngoài vốn chủ sở hữu) thuộc trách nhiệm thu xếp của nhà đầu tư.

(6) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu có thể quy định điểm thưởng tại Mục này trên cơ sở tiêu chí chất lượng của công việc đã thực hiện. Trong trường hợp này, Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư cung cấp xác nhận về việc hoàn thành dự án trong lĩnh vực tương tự, dự án trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công theo Mẫu NL 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển.

(7) Kinh nghiệm của nhà đầu tư được thể hiện thông qua số dự án/hợp đồng trong lĩnh vực tương tự hoặc lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công mà nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính. Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo Mẫu NL 03 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự hoặc dự án phát triển kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công một lần duy nhất (tham gia với tư cách độc lập hoặc thành viên của liên danh) có thể nắm giữ nhiều vai trò trong dự án được nói đến.

[Bên mời thầu quy định 01 dự án thuộc loại 2 hoặc 3 bằng tối đa 0,75 dự án thuộc loại 1; 01 dự án thuộc loại 4 bằng tối đa 0,5 dự án thuộc loại 1 và cách thức làm tròn số trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ.

Ví dụ: trường hợp Bên mời thầu quy định 01 dự án loại 2 hoặc loại 3 bằng 0,7 dự án loại 1; 01 dự án loại 4 bằng 0,5 dự án loại 1; nếu nhà đầu tư có 01 dự án loại 1, 01 dự án loại 2, 01 dự án loại 3 và 03 dự án loại 4 thì tổng số dự án tương tự của nhà đầu tư là: 1 + 0,7 1 + 0,7*1 + 3*0,5= 3,9 (tương đương 04 dự án).*

(8) Nhà đầu tư đề xuất phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ, năng lực triển khai dự án và cam kết thực hiện dự án theo Mẫu NL 04 tại Chương IV – Biểu mẫu dự sơ tuyển.

(9) Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu đưa ra các tiêu chí khác phù hợp, nhưng không vượt quá 30% tổng số điểm của Mục III.

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ SƠ TUYỂN

A. Pháp lý

1. Mẫu PL 01: Đơn dự sơ tuyển
2. Mẫu PL 02: Giấy uỷ quyền
3. Mẫu PL 03: Thoả thuận liên danh
4. Mẫu PL 04: Thông tin về nhà đầu tư
5. Mẫu PL 05: Các đối tác cùng thực hiện dự án

B. Năng lực và Kinh nghiệm

1. Mẫu NL 01: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
2. Mẫu NL 02: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư
3. Mẫu NL 03: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự
4. Mẫu NL 04: Phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ

MẪU PL 01

ĐƠN DỰ SƠ TUYỂN [1]

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: ___ *[ghi tên Bên mời thầu]*

(sau đây gọi là Bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời sơ tuyển của dự án ___ *[ghi tên dự án]* do _____ *[ghi tên Bên mời thầu]* phát hành ngày ___ và văn bản sửa đổi Hồ sơ mời sơ tuyển số ___ *[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* ngày___ nhằm chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, chúng tôi, ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* nộp Hồ sơ dự sơ tuyển đối với dự án nêu trên. Hồ sơ dự sơ tuyển này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Bên mời thầu có yêu cầu.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự sơ tuyển này với tư cách là nhà đầu tư chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển là trung thực.

6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình sơ tuyển.

Hồ sơ dự sơ tuyển này có hiệu lực trong thời gian___ngày[2] *[ghi số ngày]*, kể từ ngày___ tháng ___ năm___[3] *[ghi ngày có thời điểm đóng thầu]* .

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư [4]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà đầu tư, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự sơ tuyển, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Thời gian có hiệu lực của HSDST được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMST. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 16.1 BDL.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự sơ tuyển thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 của Chương này; trường hợp tại Điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự sơ tuyển thì phải gửi kèm theo bản chụp của các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu PL 02 của Chương này). Nếu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà đầu tư phải trình Người có thẩm quyền bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà đầu tư bị coi là gian lận theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 27 Chương I của HSMST này.

MẪU PL 02

GIẤY UỶ QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ___, tại ___

Tôi là___*[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]*, là người đại diện theo pháp luật của ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* có địa chỉ tại ___ *[ghi địa chỉ của nhà đầu tư]*, bằng văn bản này ủy quyền cho: ___ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu dự án ___ *[ghi tên dự án]* do ___ *[ghi tên Bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST và văn bản giải trình, làm rõ HSDST;

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Các công việc khác [ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)].[2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do___ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ____ bản. Người được ủy quyền giữ ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của Hồ sơ dự sơ tuyển một (01) bản gốc.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 10.3 Chương I của HSMST này. Việc ủy

quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà đầu tư để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư thực hiện một hoặc nhiều nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

MẪU PL 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày___ tháng ___ năm ___ *(trường hợp được ủy quyền).*

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ *[ghi tên dự án].*

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến Dự án là:___ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].*

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình sơ tuyển và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho _____ *[ghi tên một thành viên]* đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau (có thể điều chỉnh, bổ sung theo thỏa thuận của các bên):

[- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMST và văn bản giải trình, làm rõ HSDST;

- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng [ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên trong liên danh[(1)] *[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên trong liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm vốn góp chủ sở hữu trong liên danh]:*

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỉ lệ %
1	Thành viên 1	*[Tài chính]*		
2	Thành viên 2	*[Kỹ thuật]*		
3	Thành viên 3	*[Vận hành/Quản lý]*		
.....				
Tổng			....	**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không được lựa chọn vào danh sách ngắn;

- Liên danh không trúng thầu;

- Hủy việc sơ tuyển dự án theo thông báo của Bên mời thầu;

- Hủy việc lựa chọn nhà đầu tư theo thông báo của Bên mời thầu;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng dự án.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự sơ tuyển 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh[(2)]

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải kê khai vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên trong liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

MẪU PL 04

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

1. Tên nhà đầu tư/Tên thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:

3. Năm thành lập:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại/fax:

- Địa chỉ e-mail:

6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

MẪU PL 05

CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN[1]

TT	Tên đối tác[2]	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia[3]	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác[4]
1	*Công ty 1*		*[Tổ chức cung cấp tài chính]*		
2	*Công ty 2*		*[Nhà thầu xây dựng]*		
3	*Công ty 3*		*[Nhà thầu vận hành/Quản lý]*		
	.....				

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp có sự tham gia của các đối tác khác thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "vai trò tham gia". Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho Bên mời thầu.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó (nếu có).

MẪU NL 01

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ[1]

1. Tên nhà đầu tư/Thành viên trong liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên trong liên danh:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính trong vòng____năm tài chính gần nhất[2]:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh

STT	Nội dung	Số liệu tài chính cho____năm gần nhất		
		Năm 1	Năm 2	Năm ...
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ			
3	Giá trị tài sản ròng			
4	Tài sản ngắn hạn			
5	Nợ ngắn hạn			
6	Vốn lưu động			
7	Tổng doanh thu			
8	Lợi nhuận trước thuế			
9	Lợi nhuận sau thuế			

b) Các vụ kiện đang giải quyết trong đó nhà đầu tư là một bên đương sự[3]:

Các vụ kiện đang giải quyết			
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây: ☐ Không có vụ kiện nào đang giải quyết. ☐ Dưới đây là mô tả về các vụ kiện đang giải quyết mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).			
Năm	**Vấn đề tranh chấp**	**Giá trị vụ kiện đang giải quyết tính bằng VND**	**Tỷ lệ của giá trị vụ kiện đang giải quyết so với giá trị tài sản ròng**

c) Tài liệu đính kèm

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao

gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ____ năm tài chính gần nhất [4] và tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

2. Báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Ghi số năm theo yêu cầu, thông thường là từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Các cột tại bảng cần được mở rộng cho phù hợp với số năm quy định.

(3) Trường hợp Bên mời thầu không sử dụng tiêu chí kiện tụng đang giải quyết của nhà đầu tư thì bỏ bảng này.

(4) Trường hợp báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất chưa được kiểm toán, nhà đầu tư phải cung cấp một bản cam kết về nội dung này. Đồng thời, nhà đầu tư phải cung cấp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền trước năm mà Báo cáo tài chính của năm đó chưa được kiểm toán.

MẪU NL 02

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ [(1)]

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

1. Tôi là ___ *[ghi tên]*, ___ *[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của ___ *[Ghi tên nhà đầu tư/ tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị
I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:	
1.	
2.	
...	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
...	

3. Tài liệu kèm theo:

- Bản sao văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng.

- Thông tin về tình hình huy động vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện dở dang của nhà đầu tư.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu.

MẪU NL 03

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của Bên mời thầu]

1. Dự án số 01: ___ *[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/ tên thành viên liên danh:	
1	Số hợp đồng: Ngày ký:
	Tham gia dự án với vai trò: ☐ Nhà đầu tư độc lập ☐ Thành viên liên danh nhà đầu tư ☐ Nhà thầu quản lý dự án ☐ Nhà thầu Xây dựng ☐ Nhà thầu vận hành
	Tiến độ thực hiện dự án: ☐ Kết thúc xây dựng ☐ Kết thúc vận hành, kinh doanh ☐ Hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng dự án
	Tiến độ thực hiện gói thầu (trường hợp là nhà thầu):
	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần trong doanh nghiệp dự án (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư:
	Giá trị gói thầu/hợp đồng *(trường hợp là nhà thầu)*:
	Loại hợp đồng:
	Quốc gia:
2	Tên Bên mời thầu/ Cơ quan có thẩm quyền: Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
3	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:

4	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
5	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
6	*[Trường hợp Bên mời thầu đánh giá về chất lượng công việc đã thực hiện thì yêu cầu nhà đầu tư kê khai các nội dung sau đây:* *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc kiểm soát chi phí của các dự án đã hoàn thành:* *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc tuân thủ tiến độ dự kiến của các dự án đã hoàn thành:* *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của các dự án...]*
7	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
8	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:

2. Dự án số 02:___ *[ghi tên dự án]*

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải kê khai chính xác, trung thực các thông tin dự án đang thực hiện dở dang tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự sơ tuyển; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào kê khai không chính xác, không trung thực thì được coi là hành vi "gian lận" và HSDST sẽ bị loại.

(2) Trường hợp Bên mời thầu đánh giá chất lượng công việc đã thực hiện, Bên mời thầu cần yêu cầu nhà đầu tư cung cấp xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án hoặc xác nhận của chủ đầu tư (trường hợp nhà đầu tư tham gia với vai trò là nhà thầu).

MẪU NL 04

PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN SƠ BỘ

Nhà đầu tư chuẩn bị phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ gồm các phần:

1. Cách tiếp cận và phương pháp luận (bao gồm nhận xét về đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án).

2. Đề xuất sơ bộ cách thức triển khai dự án (bao gồm sáng kiến cải tiến).

3. Các nội dung khác theo yêu cầu của Bên mời thầu.

PHẦN 2. BÁO CÁO TÓM TẮT DỰ ÁN

CHƯƠNG V. BÁO CÁO TÓM TẮT DỰ ÁN

Căn cứ nội dung đề xuất dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, Bên mời thầu tóm tắt thông tin dự án, bao gồm:

1. Tên dự án;

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án;

3. Mục tiêu của dự án;

4. Địa điểm thực hiện dự án; Quy mô, công suất dự án; Diện tích sử dụng đất (nếu có);

5. Yêu cầu về kỹ thuật;

6. Tổng vốn đầu tư/tổng mức đầu tư;

7. Vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có);

8. Loại hợp đồng dự án;

9. Phương án tài chính;

10. Thời gian hợp đồng dự án;

11. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư (nếu có);

12. Các nội dung khác.

MẪU
HỒ SƠ MỜI THẦU
LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ
(Mẫu số 02)

(Ban hành kèm theo Thông tư số:15/2016/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư)

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên dự án: _____

[ghi tên dự án theo báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt]

Phát hành ngày: _____

[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ mời thầu cho nhà đầu tư]

Ban hành kèm theo Quyết định: _____

[ghi số và ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu]

Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (nếu có)	**Bên mời thầu**
[ghi tên, ký tên, đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên, ký tên, đóng dấu]*

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT 4
TỪ NGỮ VIẾT TẮT 5
PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ 6
Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư 6
Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu 33
Chương III. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu 42
Chương IV. Biểu mẫu dự thầu 50
PHẦN 2: YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN 70
Chương V. Yêu cầu thực hiện dự án 70
PHẦN 3: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG 72

MÔ TẢ TÓM TẮT

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng dự án.

Chương III. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này quy định phương pháp, tiêu chuẩn để đánh giá hồ sơ dự thầu.

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà đầu tư sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ dự thầu.

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Chương V. Yêu cầu về thực hiện dự án

Chương này cung cấp các thông tin về yêu cầu thực hiện dự án.

PHẦN 3. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các yêu cầu về nội dung của dự thảo hợp đồng và biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà đầu tư trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
CDNĐT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
HSĐXTC	Hồ sơ đề xuất tài chính
HSMT	Hồ sơ mời thầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 15/2015/NĐ-CP	Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư
Nghị định 30/2015/NĐ-CP	Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư

PHẦN 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nội dung lựa chọn nhà đầu tư	1.1. Bên mời thầu với tên và địa chỉ quy định tại **BDL** phát hành bộ HSMT cho các nhà đầu tư trong danh sách ngắn đã được phê duyệt để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án được mô tả trong Chương V- Yêu cầu về thực hiện dự án. 1.2. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại **BDL**. 1.3. Yêu cầu về giá dịch vụ được quy định tại **BDL**. 1.4. Yêu cầu về vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án được quy định tại **BDL**. 1.5. Yêu cầu về đề xuất nộp ngân sách nhà nước được quy định tại **BDL**. 1.6. Các thông tin cơ bản về dự án được quy định tại **BDL**.
2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu	2.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 2.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu. 2.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu; b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu; c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận. 2.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào; b) Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

	c) Nhà đầu tư cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDT làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư. 2.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Các hành vi cản trở đối với nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. 2.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà đầu tư đối với dự án do mình làm bên mời thầu hoặc thực hiện các nhiệm vụ của bên mời thầu; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một dự án; c) Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư đối với cùng một dự án; d) Là cá nhân thuộc bên mời thầu nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc là người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu đối với dự án do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư tham dự thầu; đ) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật Đấu thầu. 2.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại điểm e Khoản 8 Điều 73, điểm l Khoản 3 Điều 74, Khoản 7 Điều 76, Khoản 7 Điều 78 và điểm d Khoản 4 Điều 92 của Luật Đấu thầu:

	a) Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; c) Nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của bên mời thầu và trả lời của nhà đầu tư trong quá trình đánh giá HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; d) Báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đ) Kết quả lựa chọn nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định; e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư được đóng dấu bảo mật theo quy định của pháp luật.
3. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu	3.1. Trường hợp nhà đầu tư cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với tên trong danh sách ngắn thì phải thông báo bằng văn bản tới Bên mời thầu theo số ngày quy định tại **BDL**. Bên mời thầu báo cáo Người có thẩm quyền xem xét, quyết định sự thay đổi tư cách của nhà đầu tư, cụ thể: a) Cho phép liên danh hoặc bổ sung thành viên của liên danh với nhà đầu tư ngoài danh sách ngắn; b) Không chấp nhận nhà đầu tư có thành viên rút khỏi liên danh mà không bổ sung thành viên mới có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn. Nhà đầu tư phải kê khai cập nhật năng lực, kinh nghiệm của thành viên liên danh mới, đính kèm tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của thành viên liên danh mới. 3.2. Trường hợp nhà đầu tư thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với tên trong danh sách ngắn thì phải bảo đảm tuân thủ quy định về tư cách hợp lệ của nhà đầu tư, bao gồm: a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định

	thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp. b) Hạch toán tài chính độc lập. c) Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật. d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **BDL**. đ) Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. e) Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. 3.3. Trường hợp nhà đầu tư không thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với tên trong danh sách ngắn thì Bên mời thầu không đánh giá lại tư cách hợp lệ của nhà đầu tư.
4. Nội dung HSMT	4.1. HSMT gồm có Phần 1, Phần 2, Phần 3 và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây: **Phần 1. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư** - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu - Chương III. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá HSDT - Chương IV. Biểu mẫu dự thầu **Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án** - Chương V. Yêu cầu thực hiện dự án **Phần 3. Dự thảo hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng** 4.2. Thư mời thầu do Bên mời thầu phát hành chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSMT. 4.3. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi của HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT mà không do Bên mời thầu cung cấp. 4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu mẫu, yêu cầu về thực hiện dự án và các yêu cầu

	khác trong HSMT để chuẩn bị HSDT.
5. Làm rõ HSMT, hội nghị tiền đấu thầu	5.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà đầu tư phải gửi văn bản đề nghị làm rõ tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT đến Bên mời thầu theo địa chỉ tại Mục 1.1 CDNĐT hoặc đặt câu hỏi trong hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) theo quy định tại Mục 5.2 CDNĐT. Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ HSMT của nhà đầu tư, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời tất cả đề nghị làm rõ HSMT. Bên mời thầu sẽ gửi văn bản làm rõ HSMT cho nhà đầu tư có yêu cầu làm rõ HSMT và tất cả nhà đầu tư khác đã nhận HSMT từ Bên mời thầu, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT. 5.2. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu theo quy định tại **BDL**. Mục đích của hội nghị là giải thích, làm rõ các vấn đề và trả lời các câu hỏi mà nhà đầu tư thấy chưa rõ liên quan đến nội dung HSMT. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Bên mời thầu trả lời yêu cầu làm rõ HSMT, nhà đầu tư nên gửi yêu cầu làm rõ đến Bên mời thầu trước ngày tổ chức hội nghị tiền đấu thầu. Nội dung hội nghị tiền đấu thầu sẽ được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản, trong đó nêu rõ nội dung các câu hỏi của nhà đầu tư và nội dung câu trả lời của Bên mời thầu nhưng không nêu tên nhà đầu tư có câu hỏi. Các nội dung làm rõ được lập thành văn bản làm rõ HSMT và gửi đến tất cả các nhà đầu tư đã nhận HSMT từ Bên mời thầu. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại nhà đầu tư. Trường hợp việc làm rõ sau hội nghị tiền đấu thầu dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT.
6. Khảo sát hiện trường	6.1. Nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư (nếu có) được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án với điều kiện nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư cam kết rằng Bên mời thầu

	không phải chịu bất kì trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư và các đối tác của nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu sẽ tổ chức, hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường theo quy định tại **BDL**. 6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho Bên mời thầu về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.
7. Sửa đổi HSMT	7.1. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSMT. Văn bản sửa đổi HSMT, bao gồm cả quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSMT. 7.2. Văn bản sửa đổi HSMT được gửi (trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc email) đến tất cả nhà đầu tư nhận HSMT từ Bên mời thầu. 7.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT đến các nhà đầu tư đã nhận HSMT từ Bên mời thầu thực hiện theo quy định tại **BDL**. Nhằm giúp các nhà đầu tư có đủ thời gian để sửa đổi HSDT, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21.2 CDNĐT. Nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu về việc đã nhận được các tài liệu sửa đổi HSMT theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.
8. Chi phí dự thầu	Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà đầu tư.
9. Ngôn ngữ của HSDT	HSDT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại **BDL**.
10. Thành phần của HSDT	HSDT bao gồm HSĐXKT và HSĐXTC, trong đó: 10.1. HSĐXKT phải bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm (trong trường hợp nhà

	đầu tư phải cập nhật về năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại Mục 12 CDNĐT), đề xuất về kỹ thuật của nhà đầu tư theo yêu cầu của HSMT. Cụ thể như sau: a) Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT quy định tại Mục 11 CDNĐT; b) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; c) Giấy ủy quyền theo Mẫu 02 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu (trong trường hợp cần thiết); d) Thỏa thuận liên danh (trong trường hợp thay đổi liên danh) theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu; đ) Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17 CDNĐT; e) Tài liệu cập nhật, bổ sung năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT; g) Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 13 CDNĐT. 10.2. HSĐXTC phải bao gồm các thành phần sau đây: a) Đơn dự thầu thuộc HSĐXTC theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; b) Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 15 CDNĐT. 10.3. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 14 CDNĐT, kèm theo đề xuất về tài chính liên quan đến phương án kỹ thuật thay thế (nếu có). 10.4. Các nội dung khác nêu tại **BDL**.
11. Đơn dự thầu	11.1. Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT, đơn dự thầu thuộc HSĐXTC và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. 11.2. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự thầu phải được được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được ủy quyền; trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà đầu tư cần gửi kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác

	chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền). 11.3. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên thay mặt liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, thành viên trong liên danh cần gửi kèm theo giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền.
12. Cập nhật năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư	12.1. Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải cập nhật năng lực, kinh nghiệm của mình. Trường hợp năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư không có sự thay đổi, nhà đầu tư phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án. 12.2. Trường hợp có sự thay đổi về năng lực, kinh nghiệm, nhà đầu tư kê khai bằng văn bản (kèm tài liệu) để cập nhật năng lực, kinh nghiệm của mình cho Bên mời thầu. 12.3. Văn bản cam kết về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án và tài liệu để cập nhật năng lực, kinh nghiệm được nộp cùng HSDT và được coi là một bộ phận của HSDT.
13. Thành phần đề xuất kỹ thuật	Trong HSĐXKT, nhà đầu tư phải nộp một Đề xuất kỹ thuật gồm các nội dung theo quy định tại **BDL** và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
14. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT	14.1. Nhà đầu tư được đề xuất phương án kỹ thuật thay thế ngoài phương án nêu trong báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt. 14.2. Nhà đầu tư phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế.
15. Thành phần đề xuất tài chính	15.1. Trong HSĐXTC, nhà đầu tư phải nộp một Đề xuất tài chính gồm các nội dung theo quy định tại **BDL** và bất kỳ

	thông tin nào khác theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. 15.2. Nhà đầu tư phải có trách nhiệm hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT trên cơ sở phương án tài chính và giá dịch vụ (đối với phương pháp giá dịch vụ) hoặc phần vốn góp nhà nước (đối với phương pháp phần vốn góp nhà nước) hoặc phần nộp ngân sách nhà nước (đối với phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước) mà nhà đầu tư đề xuất. 15.3. Trường hợp nhà đầu tư đề xuất giảm giá (đối với phương pháp giá dịch vụ) hoặc giảm phần vốn góp Nhà nước (đối với phương pháp vốn góp Nhà nước) hoặc tăng phần nộp ngân sách nhà nước (đối với phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích của Nhà nước) thì có thể ghi trực tiếp trong đơn dự thầu (thuộc HSĐXTC) hoặc đề xuất riêng. Trong trường hợp này, nhà đầu tư phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá hoặc giảm phần vốn góp Nhà nước hoặc tăng phần nộp ngân sách nhà nước kèm theo phương án tài chính tương ứng. Các đề xuất này có thể để cùng trong HSĐXTC hoặc nộp riêng song phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp nộp riêng thì thực hiện như quy định tại các Mục 20.2 và 20.3 CDNĐT. Các đề xuất sẽ được bảo quản như HSDT và được mở đồng thời với HSĐXTC của nhà đầu tư.
16. Đồng tiền dự thầu	Đồng tiền dự thầu theo quy định tại **BDL**.
17. Bảo đảm dự thầu	17.1. Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng Séc. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh đó phải theo Mẫu số 08 tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 18.2 CDNĐT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. 17.2. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp

	bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 17.3 CDNĐT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.6 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 17.3 CDNĐT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.6 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả. 17.3. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại **BDL**. 17.4. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định Mục 17.3 CDNĐT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu. 17.5. Nhà đầu tư không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại **BDL**, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng. 17.6. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các

	trường hợp sau đây: a) Nhà đầu tư rút HSDT (HSĐXKT, HSĐXTC) sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT; b) Nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 35.1 CDNĐT; c) Nhà đầu tư được lựa chọn không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39.1 CDNĐT; d) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán sơ bộ hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến đàm phán sơ bộ hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng; đ) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.
18. Thời gian có hiệu lực của HSDT	18.1. HSDT bao gồm HSĐXKT và HSĐXTC phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**. HSDT có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 18.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDT (gia hạn hiệu lực của cả HSĐXKT và HSĐXTC), đồng thời yêu cầu nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà đầu tư không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà đầu tư không được xem xét, đánh giá tiếp. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.
19. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT	19.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 01 bản gốc HSĐXKT, 01 bản gốc HSĐXTC một số bản chụp HSĐXKT, HSĐXTC theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HSĐXKT", "BẢN GỐC HSĐXTC", "BẢN CHỤP

	HSĐXKT", "BẢN CHỤP HSĐXTC". Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSĐXKT, HSĐXTC thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại **BDL**. Trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC HSĐXKT SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HSĐXKT SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HSĐXTC SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HSĐXTC SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HSĐXKT THAY THẾ", "BẢN CHỤP HSĐXKT THAY THẾ", "BẢN GỐC HSĐXTC THAY THẾ", "BẢN CHỤP HSĐXTC THAY THẾ". 19.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì HSDT của nhà đầu tư đó bị loại. 19.3. Bản gốc của HSĐXKT, HSĐXTC phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư (người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền) ký tên và đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 tại Chương IV hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSĐXKT, HSĐXTC. 19.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì các nội dung của HSDT nêu tại Mục 19.3 CDNĐT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà đầu tư liên danh theo thỏa thuận liên danh. Văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh. 19.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi

	là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.
20. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDT	20.1. Túi đựng HSĐXKT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSĐXKT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT". Túi đựng HSĐXTC bao gồm bản gốc và các bản chụp HSĐXTC, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH". Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSĐXKT, HSĐXTC thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSĐXKT và túi đựng HSĐXTC, bên ngoài phải ghi rõ "HSĐXKT SỬA ĐỔI", "HSĐXKT THAY THẾ", "HSĐXTC SỬA ĐỔI", "HSĐXTC THAY THẾ". Các túi đựng: HSĐXKT, HSĐXTC, HSĐXKT sửa đổi, HSĐXTC sửa đổi, HSĐXKT thay thế, HSĐXTC thay thế phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư. 20.2. Trên các túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin: a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư; b) Tên người nhận là tên Bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT; c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.6 CDNĐT; d) Ghi dòng chữ cảnh báo: "không được mở trước thời điểm mở HSĐXKT" đối với túi đựng HSĐXKT và túi đựng HSĐXKT sửa đổi, HSĐXKT thay thế (nếu có); "không được mở trước thời điểm mở HSĐXTC" đối với túi đựng HSĐXTC và túi đựng HSĐXTC sửa đổi, HSĐXTC thay thế (nếu có). 20.3. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của Bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. 20.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các

	thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại các Mục 20.1 và 20.2 CDNĐT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.
21. Thời điểm đóng thầu	21.1. Nhà đầu tư nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định tại **BDL**. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả nhà đầu tư nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà đầu tư tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT trực tiếp từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà đầu tư phải trả cho Bên mời thầu khoản tiền bằng giá bán HSMT nêu tại **BDL** trước khi HSDT được tiếp nhận. 21.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu khi sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà đầu tư theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. 21.3. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư đã nhận HSMT hoặc đã nộp HSDT. Khi thông báo, Bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới được gia hạn để nhà đầu tư có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDT theo yêu cầu mới. Nhà đầu tư đã nộp HSDT có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDT của mình. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì Bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".
22. HSDT nộp muộn	Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.
23. Sửa đổi, thay thế và rút HSDT	23.1. Sau khi nộp HSDT, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản đề nghị có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 11.2 và 11.3 CDNĐT.

	23.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 19 và Mục 20 CDNĐT, trên túi đựng văn bản đề nghị phải ghi rõ "SỬA ĐỔI HSDT" hoặc "THAY THẾ HSDT"; b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT. 23.3. Văn bản đề nghị rút HSDT phải đảm bảo các điều kiện sau: a) Trên túi đựng văn bản đề nghị phải ghi rõ "RÚT HSDT"; b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 21 CDNĐT. HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư theo nguyên trạng. 23.4. Bên mời thầu chỉ chấp nhận việc sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT của nhà đầu tư nếu nhận được văn bản đề nghị trước thời điểm đóng thầu.
24. Bảo mật	24.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà đầu tư hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà đầu tư cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDT. 24.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 25 CDNĐT và đàm phán sơ bộ hợp đồng theo quy định tại Mục 33 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDT cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
25. Làm rõ HSDT	25.1. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà đầu tư phát hiện HSDT thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm thì nhà đầu tư (trường hợp được

	chấp nhận thay đổi tư cách) được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm được coi như một phần của HSDT. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. 25.2. Sau khi mở HSĐXKT, HSĐXTC, nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ HSĐXKT, HSĐXTC theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện bằng văn bản theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDT cần phải làm rõ. Tài liệu làm rõ HSDT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. 25.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà đầu tư có HSDT cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi bản chất của nhà đầu tư tham dự thầu. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**. Nội dung làm rõ HSDT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà đầu tư không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà đầu tư theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.
26. Các đối tác có liên quan	Nhà đầu tư phải kê khai các đối tác dự kiến sẽ cùng tham gia thực hiện dự án theo Mẫu số 06 tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
27. Ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư	Đối tượng được hưởng ưu đãi và cách tính ưu đãi theo quy định tại **BDL**.

28. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT: 28.1. "Sai khác" là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT; 28.2. "Đặt điều kiện" là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; 28.3. "Bỏ sót nội dung" là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.
29. Xác định tính đáp ứng của HSDT	29.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNĐT. 29.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu cơ bản nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản là những điểm trong HSDT mà: a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả thực hiện dự án được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT về quyền hạn của Người có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hợp đồng; b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà đầu tư khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT. 29.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các nội dung về mặt kỹ thuật của HSDT theo Mục 13 CDNĐT và việc kiểm tra đề xuất kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu thực hiện dự án đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản. 29.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.

30. Sai sót không nghiêm trọng	30.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT. 30.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của đề xuất về tài chính của nhà đầu tư; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì HSDT của nhà đầu tư có thể sẽ bị loại. 30.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến đề xuất tài chính của nhà đầu tư. Theo đó, đề xuất tài chính của nhà đầu tư sẽ được điều chỉnh cho các hạng mục sai khác so với yêu cầu của HSMT theo quy định tại Mục 34.2 CDNĐT.
31. Mở HSĐXKT	31.1. Ngoại trừ các trường hợp HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 và HSDT mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 23.3 CDNĐT, Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin theo điểm b Mục 31.2 CDNĐT của tất cả HSĐXKT thuộc HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở HSĐXKT phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại **BDL** trước sự chứng kiến đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSĐXKT và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSĐXKT không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự thầu. Chỉ có các HSĐXKT được mở và đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 31.2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư và theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở bản gốc HSĐXKT, HSĐXKT sửa đổi (nếu có) hoặc HSĐXKT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ những thông tin

	sau: tên nhà đầu tư, số lượng bản gốc, bản chụp HSĐXKT, thời gian có hiệu lực của HSĐXKT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị, hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết; c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu thuộc HSĐXKT, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có), thoả thuận liên danh (nếu có), bảo đảm dự thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 22 CDNĐT. 31.3. Đối với trường hợp xin rút HSDT: Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản đề nghị rút HSDT bên ngoài có ghi chữ "RÚT HSDT", túi đựng HSDT của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDT (bao gồm HSĐXKT và HSĐXTC) sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản đề nghị "RÚT HSDT" không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư và phải được công khai trong lễ mở thầu. 31.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSĐXKT Bên mời thầu sẽ tiến hành mở túi đựng văn bản đề nghị "SỬA ĐỔI HSĐXKT", văn bản này sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSĐXKT sửa đổi tương ứng trước khi mở HSĐXKT ban đầu của nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSĐXKT nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSĐXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 31.5. Đối với trường hợp thay thế HSĐXKT Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản đề nghị bên ngoài có ghi chữ "THAY THẾ HSĐXKT" và HSĐXKT thay thế này sẽ được thay cho HSĐXKT bị thay thế. HSĐXKT bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSĐXKT nếu văn bản đề nghị thay thế HSĐXKT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp

	của nhà đầu tư và phải được công khai trong lễ mở thầu. 31.6. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 31.2 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu.
32. Đánh giá HSĐXKT	32.1. Đánh giá HSĐXKT theo quy trình, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III – Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. 32.2. Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được phê duyệt bằng văn bản. Bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (bao gồm tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư) đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu, trong đó mời các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến mở hồ sơ đề xuất về tài chính, kèm theo thời gian, địa điểm mở HSĐXTC.
33. Mở HSĐXTC	33.1. Việc mở HSĐXTC được tiến hành công khai theo thời gian và tại địa điểm nêu trong văn bản thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, trước sự chứng kiến của đại diện các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSĐXTC và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSĐXTC không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. Chỉ có các HSĐXTC được mở và đọc tại buổi mở HSĐXTC mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 33.2. Tại lễ mở HSĐXTC, Bên mời thầu công khai văn bản phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, sau đó tiến hành kiểm tra niêm phong của túi hồ sơ bên ngoài đề "HSĐXTC", "HSĐXTC SỬA ĐỔI" hoặc "HSĐXTC THAY THẾ". 33.3. Trường hợp nhà đầu tư có đề nghị thay thế HSĐXTC, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin của túi đựng văn bản đề nghị bên ngoài có ghi chữ "THAY THẾ HSĐXTC"; HSĐXTC sẽ được thay bằng HSĐXTC thay thế tương ứng; túi đựng HSĐXTC ban đầu sẽ được giữ

	nguyên niêm phong và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư. HSĐXTC sẽ không được thay thế nếu văn bản đề nghị thay thế HSĐXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. Đối với các túi đựng văn bản đề nghị "SỬA ĐỔI HSĐXTC" thì văn bản này sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSĐXTC sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSĐXTC nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSĐXTC không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 33.4. Việc mở HSĐXTC được thực hiện đối với từng HSĐXTC theo thứ tự chữ cái tên của nhà đầu tư có tên trong danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về: Tên nhà đầu tư; số lượng bản gốc, bản chụp HSĐXTC; đơn dự thầu thuộc HSĐXTC; thời gian có hiệu lực của HSĐXTC; tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư của dự án, giá dịch vụ, phần vốn góp của Nhà nước để hỗ trợ xây dựng công trình dự án (nếu có), phần nộp ngân sách nhà nước ghi trong đơn dự thầu (nếu có); giá trị giảm giá dịch vụ hoặc giảm phần vốn góp của Nhà nước (nếu có) hoặc tăng phần nộp ngân sách nhà nước (nếu có); điểm kỹ thuật của các HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, các thông tin khác liên quan. 33.5. Bên mời thầu phải lập biên bản mở HSĐXTC trong đó bao gồm các thông tin quy định tại các Mục 33.2, 33.3 và 33.4 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSĐXTC sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSĐXTC sẽ được gửi đến tất cả các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.
34. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch	34.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học, lỗi nhầm đơn vị; khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung

	thuộc đề xuất về tài chính và các lỗi khác. Việc sửa lỗi được thực hiện theo quy định tại **BDL**. 34.2. Hiệu chỉnh sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa không nghiêm trọng trong HSDT so với yêu cầu của HSMT. Các nội dung hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại **BDL** trên cơ sở bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế. Các nội dung được hiệu chỉnh phải đảm bảo nguyên tắc không phải là các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản theo quy định tại Mục 29.2 CDNĐT. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT. 34.3 Sau khi phát hiện lỗi, sai lệch, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết về lỗi, sai lệch và việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch nội dung đó. Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà đầu tư phải có ý kiến bằng văn bản gửi Bên mời thầu về các nội dung sau đây: a) Chấp thuận hay không chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì HSDT của nhà đầu tư đó sẽ bị loại; b) Nêu ý kiến của mình về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để Bên mời thầu xem xét, quyết định.
35. Đánh giá HSĐXTC và xếp hạng nhà đầu tư	35.1. Đánh giá HSĐXTC theo quy trình, phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III – Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. 35.2. Sau khi đánh giá HSĐXTC, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà đầu tư theo quy định tại **BDL**.
36. Đàm phán sơ bộ hợp đồng	36.1. Nhà đầu tư xếp hạng thứ nhất được mời đến đàm phán sơ bộ hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư được mời đến đàm phán sơ bộ hợp đồng nhưng không đến hoặc từ chối đàm phán sơ bộ hợp đồng thì nhà đầu tư sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm d Mục 17.6 CDNĐT. Trường hợp đàm phán sơ bộ hợp đồng không thành công, Bên mời thầu báo cáo Người có thẩm quyền xem xét, quyết định mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo vào đàm phán sơ bộ hợp đồng.

	36.2. Nội dung đàm phán sơ bộ hợp đồng: a) Đàm phán sơ bộ về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Đàm phán sơ bộ về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm hoàn thiện các nội dung chi tiết của dự án; c) Đàm phán về các nội dung cần thiết khác.
37. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	Nhà đầu tư được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 37.1. Có HSDT hợp lệ; 37.2. Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm; 37.3. Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; 37.4. Có đề xuất tài chính đáp ứng quy định tại **BDL**.
38. Hủy thầu	38.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây: a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSMT; b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSMT; c) HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà đầu tư được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án; d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư. 38.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 38.1 CDNĐT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 38.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 38.1 CDNĐT, trong thời hạn 20 ngày làm việc Bên mời thầu

	phải hoàn trả bảo đảm dự thầu cho các nhà đầu tư dự thầu, trừ trường hợp nhà đầu tư vi phạm quy định tại điểm d Mục 38.1 CDNĐT.
39. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư	39.1. Sau khi có kết quả lựa chọn nhà đầu tư, Bên mời thầu đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư tới các nhà đầu tư tham dự thầu trong thời hạn không muộn hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt. Văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải bao gồm các nội dung sau đây: a) Tên dự án, địa điểm và quy mô dự án; b) Tên nhà đầu tư trúng thầu; c) Loại hợp đồng; d) Thời hạn khởi công, hoàn thành xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công trình dự án; đ) Các điều kiện sử dụng đất để thực hiện dự án (địa điểm, diện tích, mục đích, thời gian sử dụng đất); e) Tổng mức đầu tư/tổng vốn của dự án; g) Giá dịch vụ hoặc phần vốn góp của Nhà nước hoặc phần nộp ngân sách nhà nước; h) Danh sách nhà đầu tư không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà đầu tư; i) Kế hoạch đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn; k) Các nội dung cần lưu ý (nếu có). 39.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 38.1 CDNĐT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải nêu rõ lý do hủy thầu. 39.3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Mục 39.1 CDNĐT, nếu nhà đầu tư không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà đầu tư.

	39.4. Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết thỏa thuận đầu tư theo quy định tại Mục 40 CDNĐT cho nhà đầu tư trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà đầu tư trúng thầu không đến đàm phán, hoàn thiện, ký kết thỏa thuận đầu tư hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng, không ký hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT thì nhà đầu tư sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm c và đ Mục 17.6 CDNĐT.
40. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng, ký kết thỏa thuận đầu tư	Sau khi đàm phán, hoàn thiện hợp đồng thành công, các bên tiến hành ký kết thỏa thuận đầu tư.
41. Điều kiện ký kết hợp đồng	41.1. Tại thời điểm ký kết, HSDT của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực. 41.2. Tại thời điểm ký kết, nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án. Trường hợp cần thiết, Người có thẩm quyền tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà đầu tư, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. 41.3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải đảm bảo các điều kiện về vốn góp của Nhà nước, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ.
42. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	42.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà đầu tư trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng Séc theo thời gian và giá trị quy định cụ thể tại **BDL**. Trường hợp nhà đầu tư sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu số 13 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng hoặc một mẫu khác được cơ quan nhà nước có

	thẩm quyền chấp thuận. 42.2. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
43. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư đến Bên mời thầu, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại **BDL**. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật Đấu thầu và Điều 88, 89 và 90 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP.
44. Xử lý vi phạm trong đấu thầu	44.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. 44.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 44.1 CDNĐT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. 44.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu, nhà đầu tư vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của Người có thẩm quyền hoặc trong một Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại Khoản 3 Điều 90 Luật Đấu thầu. 44.4. Công khai xử lý vi phạm: a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp; b) Quyết định xử lý vi phạm được đăng tải trên Báo đấu

	thầu, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
45. Đề xuất tài chính có yếu tố bất thường	Trường hợp phương án tài chính của nhà đầu tư có các thông số đầu vào hoặc nhà đầu tư đề xuất giá dịch vụ, vốn góp của Nhà nước, đề xuất nộp ngân sách nhà nước bất thường ảnh hưởng đến chất lượng công trình, dịch vụ được cung cấp thì Bên mời thầu báo cáo Người có thẩm quyền để yêu cầu nhà đầu tư làm rõ về tính khả thi của phương án tài chính được đề xuất. Trong trường hợp này, Người có thẩm quyền được phép thành lập tổ thẩm định liên ngành để yêu cầu nhà đầu tư làm rõ các yếu tố cấu thành trong phương án tài chính theo hướng sau đây: a) Các yếu tố kinh tế liên quan đến đề xuất kỹ thuật để xây dựng công trình, cung cấp dịch vụ công; b) Giải pháp kinh tế được áp dụng hoặc các lợi thế đặc biệt của nhà đầu tư dẫn đến lợi thế trong đề xuất phương án tài chính; c) Nguồn gốc của giải pháp kỹ thuật, công nghệ để triển khai thực hiện dự án, trong đó phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Trường hợp thỏa mãn các điều kiện quy định tại các điểm a, b và c của Mục này, đồng thời việc làm rõ của nhà đầu tư thuyết phục thì HSĐXTC của nhà đầu tư được tiếp tục xem xét, đánh giá. Trong trường hợp này, nếu nhà đầu tư được chấp nhận trúng thầu, để đề phòng rủi ro, Người có thẩm quyền có thể quy định giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng lớn hơn 3% nhưng không quá 10% tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định tại điểm a, b và c của Mục này, đồng thời việc làm rõ của nhà đầu tư không đủ thuyết phục dẫn đến phương án tài chính của nhà đầu tư được đánh giá là không khả thi thì HSĐXTC của nhà đầu tư sẽ bị loại.
46. Giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư	Người có thẩm quyền cử cá nhân hoặc đơn vị nêu tại **BDL** tham gia giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án. Trường hợp nhà đầu tư phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo với cá nhân hoặc đơn vị được phân công giám sát, theo dõi.

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

CDNĐT 1.1	Tên và địa chỉ của Bên mời thầu: - Tên Bên mời thầu:___ *[ghi tên Bên mời thầu]* - Đại diện:___ *[ghi tên đầy đủ của người đại diện]* - Số tầng/số phòng:__ *[ghi số tầng, số phòng (nếu có)]* - Tên đường, phố:___ *[ghi tên đường phố, số nhà]* - Thành phố:___ *[ghi tên thành phố hoặc thị trấn]* - Mã bưu điện:___ *[ghi mã bưu điện (nếu có)]* - Số điện thoại:___ *[ghi số điện thoại, bao gồm mã nước và mã thành phố]* - Số fax:___ *[ghi số fax, bao gồm mã nước và mã thành phố]* - Địa chỉ e-mail:___ *[ghi địa chỉ email (nếu có)]*
CDNĐT 1.2	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải thu xếp, huy động: - Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp: ___ *[ghi vốn chủ sở hữu tối thiểu yêu cầu nhà đầu tư phải thu xếp bằng số và bằng chữ trong báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt]* - Vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động: ___ *[ghi vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động bằng số và bằng chữ trong báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt]*
CDNĐT 1.3 **(áp dụng đối với phương pháp giá dịch vụ khi đánh giá HSĐXTC)**	*[- Trường hợp áp dụng, Bên mời thầu ghi:* Giá dịch vụ tối đa: ___ *[ghi giá dịch vụ bằng số và bằng chữ trong báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt].* *Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án và quy định của pháp luật về giá, phí, Bên mời thầu quy định cấu trúc giá dịch vụ để làm cơ sở đánh giá, so sánh một cách công bằng giá dịch vụ của các nhà đầu tư.* *- Trường hợp không áp dụng phương pháp giá dịch vụ, Bên mời thầu ghi:* Không áp dụng*]*
CDNĐT 1.4 **(áp dụng đối với phương pháp vốn góp nhà nước khi đánh giá HSXĐXTC)**	*[- Trường hợp áp dụng, Bên mời thầu ghi:* Phần vốn góp nhà nước tham gia thực hiện dự án tối đa:___ *[ghi phần vốn góp nhà nước tham gia thực hiện dự án bằng số và bằng chữ trong báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt]* *- Trường hợp không áp dụng, bên mời thầu ghi:* Không áp dụng*]*

CDNĐT 1.5 **(áp dụng đối với phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước khi đánh giá HSXĐXTC)**	*[- Trường hợp áp dụng, Bên mời thầu ghi:* Yêu cầu đề xuất nộp ngân sách nhà nước tối thiểu:___ *[ghi phần đề xuất nộp ngân sách nhà nước bằng số và bằng chữ trong báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt]* *- Trường hợp không áp dụng, bên mời thầu ghi:* Không áp dụng*]*
CDNĐT 1.6	Thông tin cơ bản của dự án bao gồm: ___ *[ghi tóm tắt thông tin cơ bản dự án theo nội dung dưới đây trên cơ sở báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt]* a) Tên dự án:_____ b) Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư:_____ c) Tên đơn vị chuẩn bị dự án:_____ d) Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất:__ đ) Yêu cầu về thực hiện dự án theo quy định tại Chương V HSMT:_____ e) Tổng mức đầu tư /tổng vốn đầu tư:_____ g) Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có); h) Loại hợp đồng dự án:_____ i) Thời gian hợp đồng dự án:_____ k) Ưu đãi và bảo đảm đầu tư:_____ l) Các nội dung khác.
CDNĐT 3.1	Trường hợp nhà đầu tư cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với tên trong danh sách ngắn thì phải thông báo bằng văn bản tới Bên mời thầu theo địa chỉ tại Mục 1.1 BDL trong thời gian tối thiểu _____ ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi số ngày cụ thể, nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 07 ngày làm việc].* Nhà đầu tư có thể liên danh hoặc bổ sung thành viên của liên danh với nhà đầu tư ngoài danh sách ngắn. Trong trường hợp nhà đầu tư có thành viên rút khỏi liên danh nhà đầu tư cần bổ sung thành viên mới có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.
CDNĐT 3.2 (d)	- Nhà đầu tư tham dự thầu là doanh nghiệp thì phải không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Bên mời thầu]*

	- Nhà đầu tư tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: + Tư vấn lập đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* [1] + Tư vấn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* + Tư vấn lập HSMST, HSMT (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* + Tư vấn thẩm định HSMST, HSMT (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* + Tư vấn đánh giá HSDST, HSDT (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* + Tư vấn thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có):___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn]* - Nhà đầu tư tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với:____ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Bên mời thầu]*
CDNĐT 5.2	Hội nghị tiền đấu thầu *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* được tổ chức. *[Trường hợp Hội nghị được tổ chức: ghi ngày, giờ, địa điểm sẽ diễn ra hội nghị]*
CDNĐT 6.1	Bên mời thầu *[ghi "sẽ" hoặc "sẽ không"]* tổ chức khảo sát hiện trường. *[Trường hợp Bên mời thầu hướng dẫn nhà đầu tư đi khảo sát hiện trường thì ghi rõ thời gian, địa điểm].*
CDNĐT 7.3	Tài liệu sửa đổi HSMT sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các nhà đầu tư đã nhận HSMT từ Bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu _____ ngày *[ghi số ngày cụ thể, nhưng phải bảo đảm đủ thời gian để nhà đầu tư hoàn chỉnh HSDT và tối thiểu là 10 ngày].* Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.

[1] Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất thì không cần quy định nhà đầu tư phải độc lập về tài chính và pháp lý với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

CDNĐT 9	*[Căn cứ hình thức đấu thầu, ghi rõ ngôn ngữ của HSDT:* *- Đối với đấu thầu quốc tế:* HSDT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng:_____ *[Trường hợp HSMT được viết bằng tiếng Anh thì ghi "Tiếng Anh"; HSMT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Nhà đầu tư có thể lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để lập HSDT căn cứ vào nội dung của bản HSMT bằng tiếng Anh".* *Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang:* _____ *[Trường hợp HSMT được viết bằng tiếng Anh thì ghi "Tiếng Anh"; HSMT được viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt thì ghi "Ngôn ngữ mà nhà đầu tư lựa chọn để lập HSDT"]. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung.* *- Đối với đấu thầu trong nước:* *HSDT cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT trao đổi giữa nhà đầu tư với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt.* *Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà đầu tư gửi bổ sung]*
CDNĐT 10.4	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:___ *[ghi cụ thể các nội dung cần thiết khác của HSDT ngoài các nội dung quy định tại Mục 10.1, 10.2,10.3 CDNĐT trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của dự án và không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà đầu tư. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là "không áp dụng"]*
CDNĐT 13	Thành phần đề xuất kỹ thuật của nhà đầu tư bao gồm: *[Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu quy định nội dung thành phần đề xuất kỹ thuật của nhà đầu tư, trong đó có thể bao gồm:* *a) Đề xuất kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án;* *b) Đề xuất phương án kỹ thuật, giải pháp công nghiệ để thực hiện dự án;* *c) Đề xuất phương án, biện pháp vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng, duy tu, vận hành công trình dự án;*

	d) Đề xuất phương án quản lý rủi ro giữa nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền; *đ) Đề xuất phương án giảm thiểu tác động môi trường, kinh tế-xã hội của dự án;* *e) Đề xuất chi phí đầu tư xây dựng công trình, chi phí vận hành trong vòng đời dự án.]*
CDNĐT 15.1	Thành phần đề xuất tài chính của nhà đầu tư bao gồm: *[Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu quy định nội dung thành phần đề xuất tài chính của nhà đầu tư, trong đó có thể bao gồm:* *a) Bảng tổng hợp, bảng chi tiết phương án tài chính của nhà đầu tư;* *b) Cam kết nguồn cung cấp tài chính cho nhà đầu tư.]*
CDNĐT 16	- Đồng tiền dự thầu là: _____ *[Căn cứ theo yêu cầu của dự án mà quy định việc cho phép và điều kiện áp dụng để nhà đầu tư chào theo một hoặc một số đồng tiền khác nhau nhưng không quá ba đồng tiền, ví dụ: VND, USD, EUR. Trường hợp trong số các đồng tiền đó có VND thì phải quy đổi về VND. Trường hợp cho phép chào bằng ngoại tệ thì phải yêu cầu nhà đầu tư chứng minh được nội dung công việc sử dụng ngoại tệ và sơ bộ giá trị ngoại tệ tương ứng; các loại chi phí trong nước phải được chào bằng VND, các chi phí nước ngoài liên quan đến dự án thì được chào bằng đồng tiền nước ngoài].*
CDNĐT 17.3	- Giá trị bảo đảm dự thầu là ___ *[ghi giá trị và đồng tiền cụ thể, đảm bảo giá trị bảo đảm dự thầu từ 0,5-1,5% tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư của dự án]* - Thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu là___ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi số ngày bằng thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu cộng thêm 30 ngày]*
CDNĐT 17.5	Bên mời thầu sẽ hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu của nhà đầu tư không được lựa chọn trong thời gian___ ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt *[ghi số ngày cụ thể nhưng không quá 20 ngày]*
CDNĐT 18.1	Thời gian có hiệu lực của HSDT là ___ ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu *[ghi số ngày cụ thể nhưng không được quá 320 ngày]*
CDNĐT 19.1	- Số lượng bản chụp HSĐXKT là: ___ *[ghi số lượng bản chụp cần thiết].* - Số lượng bản chụp HSĐXTC là: ___ *[ghi số lượng bản chụp*

	cần thiết]. Trường hợp sửa đổi, thay thế HSĐXKT, HSĐXTC thì nhà đầu tư phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSĐXKT, HSĐXTC ban đầu.
CDNĐT 21.1	- Thời điểm đóng thầu là: __ giờ__ phút, ngày__tháng__năm__ *[ghi thời điểm đóng thầu bảo đảm quy định thời gian chuẩn bị HSDT cho nhà đầu tư tối thiểu là 60 ngày đối với đấu thầu rộng rãi trong nước và 90 ngày đối với đấu thầu rộng rãi quốc tế và không ghi thời điểm đóng thầu vào đầu giờ làm việc của một ngày để không làm hạn chế nhà đầu tư nộp HSDT].* - HSMT có mức giá bán là: ____ *[ghi mức giá bán bộ HSMT, đảm bảo không quá 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đối với đấu thầu rộng rãi trong nước; không quá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng đối với đấu thầu rộng rãi quốc tế]*
CNDNĐT 25.3	Thời gian làm rõ HSDT của nhà đầu tư trong vòng: ___ ngày kể từ ngày Bên mời thầu có văn bản yêu cầu làm rõ. *[Bên mời thầu quy định số ngày phù hợp, đảm bảo nhà đầu tư có đủ thời gian làm rõ HSDT]*
CDNĐT 27	- Đối tượng được hưởng ưu đãi: ____ *[ghi tên nhà đầu tư có báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt đối với trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất]* - Cách tính ưu đãi: *[Căn cứ phương pháp đánh giá HSDT, ghi rõ cách tính ưu đãi của nhà đầu tư trong các trường hợp:* *a) Trường hợp áp dụng phương pháp giá dịch vụ thì ghi "nhà đầu tư không thuộc đối tượng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 5% giá dịch vụ vào giá dịch vụ của nhà đầu tư đó để so sánh, xếp hạng".* *Hoặc* *b) Trường hợp áp dụng phương pháp vốn góp của Nhà nước thì ghi "nhà đầu tư không thuộc đối tượng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 5% phần đề xuất vốn góp của Nhà nước vào phần vốn góp của Nhà nước mà nhà đầu tư đó đề xuất để so sánh, xếp hạng."* *Hoặc* *c) Trường hợp áp dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước thì ghi "nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi được cộng thêm một khoản tiền bằng 5% phần nộp ngân sách nhà nước vào phần nộp ngân sách nhà nước mà nhà đầu tư đó đề xuất để so sánh, xếp hạng."*

	Hoặc *d) Trường hợp áp dụng phương pháp kết hợp thì ghi "nhà đầu tư được hưởng ưu đãi theo tỷ trọng của phương pháp kết hợp nhưng tổng giá trị ưu đãi không vượt quá 5%.]"*
CDNĐT 31.1	Thời điểm mở HSĐXKT là: __ giờ__ phút, ngày__tháng __năm __ tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau: - Số nhà/số tầng/số phòng: - Tên đường, phố: - Thành phố: *[ghi thời điểm mở thầu bảo đảm bắt đầu trong vòng 01 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu]*
CDNĐT 34.1	Việc sửa lỗi được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây: a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dịch vụ hoặc giá trị vốn góp của Nhà nước hoặc giá trị phần nộp ngân sách và các tiêu chí tài chính khác. b) Lỗi nhầm đơn vị: - Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT; - Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. c) Các lỗi khác: - Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý; - Khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính – thương mại thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.
CDNĐT 34.2	*Căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu xác định một số nội dung liên quan đến yêu cầu đầu ra tổng thể của việc thực hiện dự án (như quy mô, công suất...) và giới hạn tỷ lệ sai lệch tương ứng để làm cơ sở hiệu chỉnh.*
CDNĐT 35.2	Xếp hạng nhà đầu tư: *[- Trường hợp áp dụng phương pháp giá dịch vụ thì ghi "nhà đầu tư có giá dịch vụ thấp nhất được xếp thứ nhất".* *- Trường hợp áp dụng phương pháp vốn góp của Nhà nước thì ghi "nhà đầu tư đề xuất phần vốn góp của nhà nước thấp nhất*

	được xếp thứ nhất." *- Trường hợp áp dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước thì ghi "nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước lớn nhất được xếp thứ nhất."]* Nhà đầu tư được xếp thứ nhất và được mời vào đàm phán sơ bộ hợp đồng.
CDNĐT 37.4	Nhà đầu tư có____ *[ghi đề xuất giá dịch vụ thấp nhất, không vượt mức giá dịch vụ xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật về giá, phí và lệ phí (đối với phương pháp giá dịch vụ) hoặc phần vốn góp của nhà nước thấp nhất và không vượt giá trị vốn góp của Nhà nước xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt (đối với phương pháp vốn góp của nhà nước) hoặc đề xuất nộp ngân sách nhà nước lớn nhất (đối với phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước) hoặc tiêu chí phù hợp (đối với phương pháp kết hợp)]* được xếp thứ nhất để mời vào đàm phán sơ bộ hợp đồng.
CDNĐT 42.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___ *[căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án, quy định nhà đầu tư cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc bằng Séc]* với giá trị bằng___ *[ghi số tiền có giá trị tương đương từ 1% - 3% tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư của dự án].* *[Thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu) (Mẫu số 13 Chương VIII - Biểu mẫu dự thầu)].* - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng được ký chính thức cho đến ngày__tháng__năm___. *[Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến ngày công trình được hoàn thành và nghiệm thu hoặc ngày các điều kiện bảo đảm việc cung cấp dịch vụ được hoàn thành theo quy định của hợp đồng].* - Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:___ *[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ quy mô, tính chất và lĩnh vực của dự án.* *Ví dụ: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà đầu tư ngay sau khi hoặc*

	không chậm hơn ____ ngày kể từ khi công trình được hoàn thành và nghiệm thu hoặc ngày các điều kiện bảo đảm việc cung cấp dịch vụ được hoàn thành theo quy định của hợp đồng, đồng thời nhà đầu tư đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định].
CDNĐT 43	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: a) Địa chỉ của Bên mời thầu: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của Bên mời thầu].* b) Địa chỉ của Người có thẩm quyền: ____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ của người đứng đầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ ký kết hợp đồng dự án].* c) Bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: _____ *[ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].*
CDNĐT 46	Thông tin của cá nhân, đơn vị tham gia giám sát, theo dõi: _____ *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ số điện thoại, số fax của cá nhân, đơn vị được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư của dự án (nếu có)]* *[Trường hợp không thực hiện giám sát, theo dõi thì ghi "không áp dụng"]*

CHƯƠNG III. PHƯƠNG PHÁP VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSĐXKT

1.1. Kiểm tra HSĐXKT

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐXKT;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐXKT, bao gồm: Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu; giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu cập nhật, bổ sung năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật và các thành phần khác thuộc HSĐXKT theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐXKT.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSĐXKT

HSĐXKT của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐXKT;

b) Có đơn dự thầu thuộc HSĐXKT được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời hạn hiệu lực của HSĐXKT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18 CDNĐT;

d) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.3 CDNĐT. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 17.3 CDNĐT; đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc bằng Séc thì Bên mời thầu sẽ quản lý Séc đó theo quy định tại Mục 17.3 CDNĐT;

đ) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐXKT với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

e) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu;

g) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định pháp luật về đấu thầu;

h) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HSĐXKT được đánh giá là "Hợp lệ" khi tất cả các nội dung được đánh giá là "Đáp ứng". HSĐXKT của nhà đầu tư được kết luận là "Không hợp lệ" khi bất kỳ một nội dung được đánh giá là "Không đáp ứng" và khi đó, HSĐXKT của nhà đầu tư đó bị loại.

Nhà đầu tư có HSĐXKT hợp lệ được xem xét, đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương này.

Mục 2. Cập nhật về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Khi nộp HSDT nếu nhà đầu tư có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm so với thông tin kê khai trong hồ sơ dự sơ tuyển đã được đánh giá thì nhà đầu tư phải kê khai bằng văn bản để cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình; trường hợp năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư không có sự thay đổi thì nhà đầu tư phải có cam kết bằng văn bản về việc vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu liên quan đến vốn chủ sở hữu, danh mục dự án đang thực hiện. Trường hợp tại thời điểm cập nhật, nhà đầu tư tham gia nhiều dự án thì phải đảm bảo đáp ứng đủ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết huy động cho dự án theo yêu cầu của HSMST và HSMT.

2.2. Trường hợp nhà đầu tư liên danh thay đổi thành viên trong liên danh, Bên mời thầu báo cáo Người có thẩm quyền xem xét, quyết định sự thay đổi tư cách của nhà đầu tư, cụ thể:

a) Cho phép liên danh hoặc bổ sung thành viên của liên danh với nhà đầu tư ngoài danh sách ngắn;

b) Không chấp nhận nhà đầu tư có thành viên rút khỏi liên danh mà không bổ sung thành viên mới có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.

Nhà đầu tư phải kê khai cập nhật năng lực, kinh nghiệm của thành viên liên danh mới, đính kèm tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của thành viên liên danh mới. Việc đánh giá năng lực, kinh nghiệm của thành viên liên danh mới căn cứ theo tiêu chuẩn đánh giá HSDST trong giai đoạn sơ tuyển.

Mục 3. Đánh giá về kỹ thuật

3.1. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá về kỹ thuật sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm ___ *[quy định là 100 hoặc 1.000]* trong đó mức tối thiểu để đáp ứng yêu

cầu là___ % tổng số điểm *[quy định giá trị % nhưng không được thấp hơn 70%]* và điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu (chất lượng, khối lượng; vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng; môi trường và an toàn) là ___ % điểm tối đa của nội dung đó *[quy định giá trị % nhưng không thấp hơn 60%]*.

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

[Căn cứ quy mô, tính chất và lĩnh vực của dự án, Bên mời thầu quy định cụ thể các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư thuyết minh về kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án để đánh giá sự phù hợp, khả thi đề xuất của nhà đầu tư đối với các nội dung sau đây:

(1) Kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án đảm bảo cung cấp công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ liên tục, ổn định với chất lượng được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi;

(2) Phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ trên cơ sở yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp được xác định tại báo cáo nghiên cứu khả thi;

(3) Phương án vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án;

(4) Các yêu cầu về môi trường, an toàn được xem xét trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường;

(5) Phương án quản lý rủi ro của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

(6) Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư đề xuất chi phí (bao gồm đầu tư xây dựng công trình, vận hành, bảo hành, an toàn và môi trường...) để đánh giá sự phù hợp, khả thi của đề xuất chi phí so với đề xuất của nhà đầu tư về kỹ thuật.

Ngoài các tiêu chuẩn nêu trên, trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, Bên mời thầu có thể điều chỉnh, bổ sung các tiêu chuẩn về kỹ thuật khác phù hợp với tính chất, lĩnh vực, đặc điểm dự án cụ thể.

Lưu ý: Đối với dự án thực hiện loại hợp đồng BT, HSMT không bao gồm tiêu chuẩn (3) nêu trên; tuy nhiên phải bao gồm tiêu chuẩn về bảo hành công trình dự án và các điều kiện thực hiện dự án khác.

Mục 4. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSĐXTC:

4.1. Kiểm tra HSĐXTC

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐXTC;

b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐXTC, bao gồm: Đơn dự thầu

thuộc HSĐXTC, các thành phần khác thuộc HSĐXTC theo quy định tại Mục 15 CDNĐT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐXTC.

4.2. Đánh giá tính hợp lệ HSĐXTC

HSĐXTC của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐXTC;

b) Có đơn dự thầu thuộc HSĐXTC được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với nhà đầu tư liên danh (trường hợp có sự thay đổi thành viên), đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Tổng mức đầu tư/tổng vốn của dự án, giá dịch vụ hoặc phần vốn góp của Nhà nước hoặc phần nộp ngân sách nhà nước ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với phương án tài chính của nhà đầu tư, không đề xuất các giá trị khác nhau đối với cùng một nội dung hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên mời thầu;

d) Thời hạn hiệu lực của HSĐXTC đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 18 CDNĐT.

Nhà đầu tư có HS"Hợp lệ" khi tất cả các nội dung được đánh giá là "Đáp ứng". HSĐXTC của nhà đầu tư được kết luận là "Không hợp lệ" khi có bất kỳ một nội dung được đánh giá là "Không đáp ứng" và khi đó, HSĐXTC của nhà đầu tư đó bị loại.

Nhà đầu tư có HSĐXTC hợp lệ sẽ được tiếp tục đánh giá chi tiết về tài chính.

Mục 5. Đánh giá về tài chính – thương mại

5.1. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch

Việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại Mục 34 CDNĐT.

5.2. Phương pháp đánh giá tài chính – thương mại

5.2.1. Phương pháp giá dịch vụ

Phương pháp giá dịch vụ được áp dụng đối với dự án mà giá dịch vụ là tiêu chí để đánh giá về tài chính – thương mại, các nội dung khác như tiêu chuẩn đối

với tài sản, dịch vụ thuộc dự án; thời gian hoàn vốn và các yếu tố có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT. Phương pháp giá dịch vụ thường được áp dụng đối với các trường hợp:

(i) Dự án có lộ trình điều chỉnh mức giá, phí dịch vụ (bao gồm điều kiện điều chỉnh và mốc điều chỉnh) được xác định rõ trong HSMT;

(ii) Dự án có công thức chuyển đổi mức giá, phí dịch vụ ở các thời điểm khác nhau trong suốt vòng đời dự án về cùng một thời điểm để so sánh.

HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì căn cứ vào giá dịch vụ để so sánh, xếp hạng. Nhà đầu tư đề xuất giá dịch vụ thấp nhất được xếp thứ nhất và mời vào đàm phán sơ bộ hợp đồng.

Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, giá dịch vụ của nhà đầu tư không đề xuất dự án sẽ được cộng thêm một khoản tiền bằng 5% giá dịch vụ vào giá dịch vụ của nhà đầu tư đó trước khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư.

5.2.2. Phương pháp vốn góp của Nhà nước

Phương pháp vốn góp của Nhà nước được áp dụng đối với dự án mà vốn góp của Nhà nước là tiêu chí để đánh giá về tài chính – thương mại, các nội dung khác như tiêu chuẩn đối với tài sản, dịch vụ thuộc dự án, thời gian hoàn vốn, giá dịch vụ và các yếu tố có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT.

HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì căn cứ vào đề xuất phần vốn góp của Nhà nước để so sánh, xếp hạng. Nhà đầu tư đề xuất phần vốn góp của Nhà nước thấp nhất được xếp thứ nhất và mời vào đàm phán sơ bộ hợp đồng.

Đối với trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, thuộc đối tượng sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, giá trị phần vốn góp của các nhà đầu tư không đề xuất dự án sẽ được cộng thêm một khoản tiền bằng 5% giá trị đề xuất vào phần đề xuất vốn góp của Nhà nước của nhà đầu tư đó khi thực hiện bước xếp hạng nhà đầu tư.

5.2.3. Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước [(2)]

Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước là phương pháp để đánh giá nhà đầu tư đề xuất phương án thực hiện dự án có hiệu quả đầu tư lớn nhất, các nội dung khác có liên quan đã được xác định rõ trong HSMT. Hiệu quả đầu tư được đánh giá thông qua tiêu chí đề xuất nộp ngân sách nhà nước bằng tiền.

HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật thì căn cứ vào đề xuất nộp ngân sách nhà nước để so sánh, xếp hạng. Nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách

---

[(2)] Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT, sử dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước để đánh giá tài chính – thương mại.

nhà nước lớn nhất được xếp thứ nhất và mời vào đàm phán sơ bộ hợp đồng.

Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất, phần đề xuất nộp ngân sách nhà nước của nhà đầu tư này sẽ được cộng thêm một khoản tiền bằng 5% phần nộp ngân sách nhà nước vào phần nộp ngân sách mà nhà đầu tư đó đề xuất trước khi xếp hạng nhà đầu tư.

5.2.4. Phương pháp kết hợp

5.2.4.1. Phương pháp kết hợp giữa phương pháp giá dịch vụ và phương pháp vốn góp của Nhà nước

- Xác định điểm của giá dịch vụ

Điểm giá dịch vụ được xác định theo công thức sau:

Điểm giá dịch vụ $_{đang\ xét}$ = [Giá dịch vụ $_{thấp\ nhất}$ / Giá dịch vụ $_{đang\ xét}$] x (100 hoặc 1.000)

Trong đó:

+ Điểm giá dịch vụ $_{đang\ xét}$: Là điểm giá dịch vụ của HSĐXTC đang xét;

+ Giá dịch vụ$_{thấp\ nhất}$: Là giá dịch vụ thấp nhất trong số các nhà đầu tư được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ Giá dịch vụ$_{đang\ xét}$: Là giá dịch vụ của HSĐXTC đang xét.

- Xác định điểm của giá trị phần vốn góp của Nhà nước

Điểm của giá trị phần vốn góp của Nhà nước được xác định theo công thức sau:

Điểm của giá trị phần vốn góp của Nhà nước$_{đang\ xét}$ = [Giá trị phần vốn góp của Nhà nước $_{thấp\ nhất}$ / Giá trị phần vốn góp của Nhà nước $_{đang\ xét}$] x (100 hoặc 1.000)

Trong đó:

+ Điểm của giá trị phần vốn góp của Nhà nước$_{đang\ xét}$: Là điểm của giá trị phần vốn góp của Nhà nước của HSĐXTC đang xét;

+ Giá trị phần vốn góp của Nhà nước$_{thấp\ nhất}$: Là giá trị phần vốn góp của Nhà nước thấp nhất trong số các nhà đầu tư được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ Giá trị phần vốn góp của Nhà nước$_{đang\ xét}$: Là giá trị phần vốn góp của Nhà nước của HSĐXTC đang xét.

- Xác định điểm tổng hợp

Điểm tổng hợp$_{đang\ xét}$ = K x Điểm giá dịch vụ $_{đang\ xét}$ + G x Điểm của giá trị phần vốn góp của Nhà nước $_{đang\ xét}$

Trong đó:

+ Điểm giá dịch vụ$_{\text{đang xét}}$: Là số điểm tại bước xác định điểm của giá dịch vụ;

+ Điểm của giá trị phần vốn góp của Nhà nước$_{\text{đang xét}}$: Là số điểm tại bước xác định điểm của giá trị phần vốn góp của Nhà nước;

+ K: Tỷ trọng điểm giá dịch vụ quy định trong thang điểm tổng hợp, không được thấp hơn tỷ lệ 20% trong tất cả các trường hợp;

+ G: Tỷ trọng điểm của giá trị phần vốn góp của Nhà nước trong thang điểm tổng hợp, không được thấp hơn tỷ lệ 20% trong tất cả các trường hợp;

+ K + G = 100%. Tỷ trọng điểm giá dịch vụ (K) và Tỷ trọng điểm của giá trị phần vốn góp của Nhà nước (G) phải được xác định cụ thể trong HSMT.

- Nhà đầu tư có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất và được mời vào đàm phán sơ bộ hợp đồng.

5.2.4.2. Phương pháp kết hợp giữa phương pháp giá dịch vụ và phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước

- Xác định điểm của giá dịch vụ

Điểm giá dịch vụ được xác định theo công thức sau:

Điểm giá dịch vụ $_{\text{đang xét}}$ = [Giá dịch vụ $_{\text{thấp nhất}}$ / Giá dịch vụ $_{\text{đang xét}}$] x (100 hoặc 1.000)

Trong đó:

+ Điểm giá dịch vụ $_{\text{đang xét}}$: Là điểm giá dịch vụ của HSĐXTC đang xét;

+ Giá dịch vụ$_{\text{thấp nhất}}$: Là giá dịch vụ thấp nhất trong số các nhà đầu tư được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ Giá dịch vụ$_{\text{đang xét}}$: Là giá dịch vụ của HSĐXTC đang xét.

- Xác định điểm của giá trị phần nộp ngân sách nhà nước

Điểm của giá trị phần nộp ngân sách nhà nước được xác định theo công thức sau:

Điểm giá trị phần nộp ngân sách nhà nước $_{\text{đang xét}}$ = [Giá trị phần nộp ngân sách nhà nước $_{\text{đang xét}}$ / Giá trị phần nộp ngân sách nhà nước $_{\text{cao nhất}}$] x (100 hoặc 1.000)

Trong đó:

+ Điểm giá trị phần nộp ngân sách nhà nước $_{\text{đang xét}}$: Là điểm giá trị phần

nộp ngân sách nhà nước của HSĐXTC đang xét;

+ Giá trị phần nộp ngân sách nhà nước$_{\text{cao nhất}}$: Là giá trị phần nộp ngân sách nhà nước cao nhất trong số các nhà nhà đầu tư được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ Giá trị phần nộp ngân sách nhà nước$_{\text{đang xét}}$: Là giá trị phần nộp ngân sách nhà nước của HSĐXTC đang xét.

- Xác định điểm tổng hợp.

Điểm tổng hợp$_{\text{đang xét}}$ = K x Điểm giá dịch vụ $_{\text{đang xét}}$ + H x Điểm giá trị phần nộp ngân sách nhà nước $_{\text{đang xét}}$

Trong đó:

+ Điểm giá dịch vụ$_{\text{đang xét}}$: Là số điểm tại bước xác định điểm của giá dịch vụ;

+ Điểm giá trị phần nộp ngân sách nhà nước $_{\text{đang xét}}$: Là số điểm tại bước xác định điểm của giá trị phần nộp ngân sách nhà nước;

+ K: Tỷ trọng điểm giá dịch vụ quy định trong thang điểm tổng hợp, không được thấp hơn tỷ lệ 20% trong tất cả các trường hợp;

+ H: Tỷ trọng điểm của giá trị phần nộp ngân sách nhà nước trong thang điểm tổng hợp, không được thấp hơn tỷ lệ 20% trong tất cả các trường hợp;

+ K + H = 100%. Tỷ trọng điểm giá dịch vụ (K) và Tỷ trọng điểm của giá trị phần nộp ngân sách nhà nước (H) phải được xác định cụ thể trong HSMT.

- Nhà đầu tư có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất và được mời vào đàm phán sơ bộ hợp đồng.

5.2.4.3. Phương pháp kết hợp khác:

Đối với các dự án có tính chất đặc biệt, đặc thù, không áp dụng được các phương pháp đánh giá nêu trên, Bên mời thầu báo cáo Người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt phương pháp kết hợp khác trong HSMT (phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và tài chính, phương pháp thời gian thực hiện hợp đồng ngắn nhất...) trên cơ sở đảm bảo mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu.

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

A. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSĐXKT

1. Mẫu số 01: Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT
2. Mẫu số 02: Giấy uỷ quyền
3. Mẫu số 03: Thoả thuận liên danh
4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư
5. Mẫu số 05: Cập nhật năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư
6. Mẫu số 06: Các đối tác cùng thực hiện dự án
7. Mẫu số 07: Đề xuất kỹ thuật
8. Mẫu số 08: Bảo lãnh dự thầu

B. Biểu mẫu dự thầu thuộc HSĐXTC

1. Mẫu số 09: Đơn dự thầu thuộc HSĐXTC
2. Mẫu số 10: Tổng hợp phương án tài chính
3. Mẫu số 11: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư

MẪU SỐ 01

ĐƠN DỰ THẦU [1]

(Thuộc HSĐXKT)

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: ___ *[ghi tên Bên mời thầu]*

(sau đây gọi là Bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời thầu của dự án ___ *[ghi tên dự án]* do _____ *[ghi tên Bên mời thầu]* phát hành ngày ___ và văn bản sửa đổi Hồ sơ mời thầu số ___ *[ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* ngày___ nhằm chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, chúng tôi, ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* nộp Hồ sơ đề xuất kỹ thuật đối với dự án nêu trên. Hồ sơ đề xuất kỹ thuật này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên mời thầu bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác theo yêu cầu của Bên mời thầu.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất kỹ thuật này với tư cách là nhà đầu tư chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở các hành vi vi phạm khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự dự án này.

5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất kỹ thuật là trung thực.

6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình đấu thầu.

Hồ sơ đề xuất kỹ thuật này có hiệu lực trong thời gian___ngày *[ghi số ngày]*[2], kể từ ngày___ tháng ___ năm___ *[ghi ngày có thời điểm đóng thầu]*[3] .

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư [4]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà đầu tư, thời gian có hiệu của hồ sơ đề xuất kỹ thuật, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Thời gian có hiệu lực của HSĐXKT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu

đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 BDL.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Nếu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà đầu tư phải trình Người có thẩm quyền bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà đầu tư bị coi là gian lận theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 44 Chương I của HSMT này.

MẪU SỐ 02

GIẤY UỶ QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ___, tại ___

Tôi là___ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư]*, là người đại diện theo pháp luật của ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* có địa chỉ tại ___ *[ghi địa chỉ của nhà đầu tư]*, bằng văn bản này ủy quyền cho: ___ *[ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu dự án ___ *[ghi tên dự án]* do ___ *[ghi tên Bên mời thầu]* tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Các công việc khác [ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)].[2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ___ *[ghi tên nhà đầu tư]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do___ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ____ bản. Người được ủy quyền giữ ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của Hồ sơ đề xuất kỹ thuật một (01) bản gốc.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 Chương I của HSMT này. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà đầu tư để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư thực hiện một hoặc nhiều nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

MẪU SỐ 03

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư thay đổi thành viên liên danh)

(Địa điểm), ngày___ tháng___ năm___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày___ tháng ___ năm ___ *(trường hợp được ủy quyền).*

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ *[ghi tên dự án].*

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là:___ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].*

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công

việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho.___ *[ghi tên một thành viên]* đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau *(có thể điều chỉnh, bổ sung theo thoả thuận của các bên):*

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;

- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng [ghi rõ nội dung các công việc (nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên trong liên danh [(1)]*[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên trong liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm vốn góp chủ sở hữu trong liên danh]:*

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỉ lệ %
1	Thành viên 1	*[Tài chính]*		
2	Thành viên 2	*[Kỹ thuật]*		
3	Thành viên 3	*[Vận hành/Quản lý]*		
.....				
		Tổng		**100%**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;

- Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được Bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;

- Liên danh không trúng thầu;

- Hủy việc lựa chọn nhà đầu tư của dự án theo thông báo của Bên mời thầu.

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên

danh giữ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh [2]

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên trong liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

MẪU SỐ 04

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

1. Tên nhà đầu tư/Tên thành viên liên danh:

2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:

3. Năm thành lập công ty:

4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:

5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:

- Tên:

- Địa chỉ:

- Số điện thoại/fax:

- Địa chỉ e-mail:

6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

MẪU SỐ 05

CẬP NHẬT NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ [1]

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

1. Tên nhà đầu tư/Thành viên trong liên danh:

2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/Thành viên trong liên danh:

a) Tóm tắt các số liệu về tài chính trong_____năm tài chính gần nhất [2]:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh

		Số liệu tài chính cho____năm gần nhất		
STT	**Nội dung**	**Năm 1**	**Năm 2**	**Năm ...**
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ			
3	Giá trị tài sản ròng			
4	Tài sản ngắn hạn			
5	Nợ ngắn hạn			
6	Vốn lưu động			
7	Tổng doanh thu			
8	Lợi nhuận trước thuế			
9	Lợi nhuận sau thuế			

b) Các vụ kiện đang giải quyết trong đó nhà đầu tư là một bên đương sự [3]:

Các vụ kiện đang giải quyết			
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây: ❑ Không có vụ kiện nào đang giải quyết. ❑ Dưới đây là mô tả về các vụ kiện đang giải quyết mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).			
Năm	**Vấn đề tranh chấp**	**Giá trị vụ kiện đang giải quyết tính bằng VND**	**Tỷ lệ của giá trị vụ kiện đang giải quyết so với giá trị tài sản ròng**

c) Tài liệu đính kèm

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ____ năm tài chính gần nhất [2] và tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

2. Báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

3. Thông tin về kinh nghiệm của nhà đầu tư/thành viên trong liên danh:

Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự:

1. Dự án số 01: ___ *[ghi tên dự án]*

<table>
<tr><td colspan="2">Tên nhà đầu tư/ tên thành viên liên danh:</td></tr>
<tr><td rowspan="4">1</td><td>Số hợp đồng: Ngày ký:</td></tr>
<tr><td>Tham gia dự án với vai trò:
☐ Nhà đầu tư độc lập ☐ Thành viên liên danh nhà đầu tư
☐ Nhà thầu quản lý dự án ☐ Nhà thầu Xây dựng ☐ Nhà thầu vận hành</td></tr>
<tr><td>Tiến độ thực hiện dự án:
☐ Kết thúc xây dựng
☐ Kết thúc vận hành, kinh doanh
☐ Hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng dự án</td></tr>
<tr><td>Tiến độ thực hiện gói thầu (trường hợp là nhà thầu):</td></tr>
</table>

	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần trong doanh nghiệp dự án (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Tổng mức đầu tư/tổng vốn đầu tư:
	Giá trị gói thầu/hợp đồng *(trường hợp là nhà thầu)*:
	Loại hợp đồng:
	Quốc gia:
2	Tên Bên mời thầu/ Cơ quan có thẩm quyền: Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
3	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:
4	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
5	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
6	*[Trường hợp Bên mời thầu đánh giá về chất lượng công việc đã thực hiện thì yêu cầu nhà đầu tư kê khai các nội dung sau đây:* *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc kiểm soát chi phí của các dự án đã hoàn thành:* *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc tuân thủ tiến độ dự kiến của các dự án đã hoàn thành:* *- Năng lực của nhà đầu tư trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của các dự án...]*
7	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
8	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:

2. Dự án số 02:___ *[ghi tên dự án]*

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Ghi số năm theo yêu cầu, thông thường là từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Các cột tại bảng cần được mở rộng cho phù hợp với số năm quy định

Trong trường hợp các tài khoản của năm tài chính gần nhất chưa được kiểm toán, nhà đầu tư phải cung cấp một bản cam kết về nội dung này. Đồng thời, nhà đầu tư phải cung cấp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền trước năm mà Báo cáo tài chính của năm đó chưa được kiểm toán.

(3) Nếu Bên mời thầu không áp dụng tiêu chí kiện tụng đang giải quyết của nhà đầu tư thì bỏ nội dung này.

MẪU SỐ 06

CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN [1]

TT	Tên đối tác [2]	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia [3]	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác[4]
1	*Công ty 1*		*[Tổ chức cung cấp tài chính]*		
2	*Công ty 2*		*[Nhà thầu xây dựng]*		
3	*Công ty 3*		*[Nhà thầu vận hành/Quản lý]*		
	.....				

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp có sự tham gia của các đối tác khác thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của các đối tác thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột "vai trò tham gia". Sau đó, nếu trúng thầu thì khi huy động các đối tác thực hiện công việc đã kê khai thì phải thông báo cho Bên mời thầu.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, nhà đầu tư phải nộp kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó (nếu có).

MẪU SỐ 07

ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT

Căn cứ quy mô, tính chất, lĩnh vực của dự án và tiêu chuẩn đánh giá HSĐXKT, Bên mời thầu yêu cầu nhà đầu tư chuẩn bị các nội dung, biểu mẫu đề xuất kỹ thuật và các tài liệu thuyết minh đính kèm (nếu có) làm cơ sở để đánh giá HSĐXKT, bao gồm các nội dung sau đây:

(1) Kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án.

(2) Phương án kỹ thuật, giải pháp công nghệ

(3) Phương án vận hành, quản lý, kinh doanh, bảo trì, bảo dưỡng công trình dự án.

(4) Các yêu cầu về môi trường, an toàn.

(5) Phương án quản lý rủi ro của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

(6) Chi phí đầu tư xây dựng công trình, chi phí vận hành trong vòng đời dự án.

MẪU SỐ 08

BẢO LÃNH DỰ THẦU [(1)]

Bên thụ hưởng:_____ *[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]*

Ngày phát hành bảo lãnh:_____ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số:_____ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh:_____ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng _____ *[ghi tên nhà đầu tư]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham gia đấu thầu dự án _____ *[ghi tên dự án]* theo Thư mời thầu số _____ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà đầu tư tham gia đấu thầu dự án bằng một khoản tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____[(2)] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___[(3)].

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là ___ *[ghi bằng chữ] [ghi bằng số]* khi nhận được văn bản thông báo nhà đầu tư vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà đầu tư rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

2. Nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 38.1 – CDNĐT của hồ sơ mời thầu;

3. Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán sơ bộ hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến đàm phán sơ bộ hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà đầu tư không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 42.1 – CDNĐT của hồ sơ mời thầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17.6 CDNĐT của hồ sơ mời thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả(4).

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 17.3 **BDL**.

(3) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 **BDL**.

(4) Áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư liên danh.

MẪU SỐ 09

ĐƠN DỰ THẦU

(Thuộc HSĐXTC)

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: ___ *[ghi tên Bên mời thầu]*

(sau đây gọi là Bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời thầu số *[ghi số của Hồ sơ mời thầu]* ___ của *[ghi tên Bên mời thầu]* phát hành ngày ___ và văn bản sửa đổi Hồ sơ mời thầu số ___ *[ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* ngày___ nhằm chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án ___ *[ghi tên dự án]*, chúng tôi,____ *[ghi tên nhà đầu tư]*, cam kết thực hiện dự án nêu trên theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Cùng với Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, chúng tôi xin gửi kèm đơn này đề xuất về tài chính với nội dung như sau:

Căn cứ vào phương pháp đánh giá về tài chính – thương mại, Bên mời thầu sử dụng một trong các mẫu bảng sau để đưa vào Mẫu số 10: Đơn dự thầu (thuộc HSĐXTC):

- Bảng số 01 (áp dụng đối với phương pháp giá dịch vụ):

Nội dung	**Số tiền[1] (Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền)**					
	Năm 1	*Năm 2*	...	...	....	*Năm n[2]*
Giá dịch vụ						

- Bảng số 02 (áp dụng đối với phương pháp vốn góp của Nhà nước):

Nội dung	**Số tiền[1] (Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền)**
Phần vốn góp của Nhà nước	

- Bảng số 03 (áp dụng đối với phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước):

Nội dung	**Số tiền[1] (Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ và đồng tiền)**
Số tiền đề xuất nộp vào ngân sách nhà nước	

Hồ sơ đề xuất về tài chính này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày[3], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____[4].

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư[5]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Số tiền trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với Bảng tổng hợp phương án tài chính, không đề xuất khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên mời thầu.

(2) Ghi theo năm hoặc khoảng thời gian phù hợp (tháng, quý...) căn cứ theo yêu cầu của Bên mời thầu.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 18.1 BDL. Thời gian có hiệu lực của HSĐXTC được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 21.1 BDL.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà đầu tư là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà đầu tư độc lập.

MẪU SỐ 10

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

Nhà đầu tư cần nộp mô hình tài chính bằng cả bản in và bản điện tử (định dạng file excel hoặc theo yêu cầu của Bên mời thầu) theo các yêu cầu sau đây:

A. Cấu trúc của mô hình tài chính

- Cấu trúc mô hình rõ ràng và trình bày chuyên nghiệp;

- Được lập trên ứng dụng Microsoft Excel 2000 (được cập nhật) hoặc ứng dụng khác;

- Trình bày số tiền hàng triệu với 2 chữ số thập phân;

- Không có bất cứ trang nào hoặc ô nào bị ẩn hoặc bảo vệ bằng mã số;

- Tính toán cần phải được chia tách hợp lý để có thể dễ dàng theo dõi trên màn hình hoặc trên trang giấy;

- Các ô có chứa số cố định cần được bôi màu vàng;

- Mô hình tài chính cần được chia thời kỳ theo năm;

B. Quyển tài liệu giả định

Nhà đầu tư cần cung cấp mô tả chi tiết các giả định được sử dụng trong mô hình tài chính. Các giả định phải bao gồm các phần:

- Kế hoạch chi phí xây dựng và chi phí vận hành;

- Bản tóm tắt kế hoạch huy động vốn, bao gồm tất các các phí và chi phí tài chính;

- Giả định dự báo nhu cầu và doanh thu của dự án;

- Giả định về kinh tế vĩ mô;

- Giả định về thuế;

- Chính sách kế toán và tỷ lệ khấu hao;

- Các giả định cần thiết khác để xây dựng mô hình tài chính.

Các giả định nêu trong Quyển tài liệu giả định phải phù hợp với mô hình tài chính.

C. Hướng dẫn sử dụng mô hình tài chính

Nhà đầu tư cần nộp tài liệu hướng dẫn, giải thích các chức năng của mô hình tài chính và cấu trúc của mô hình.

MẪU SỐ 11

CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: ___ *[ghi tên Bên mời thầu]*

(sau đây gọi là Bên mời thầu)

1. Tôi là ___ *[ghi tên]*, ___ *[ghi chức vụ]*, là đại diện hợp pháp của ___ *[ghi tên nhà đầu tư/ tên liên danh nhà đầu tư]*, xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị[(1)]
I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:	
1.	
2.	
…	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
…	

3. Tài liệu kèm theo:

- Bản sao văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng trong nước hoặc nước ngoài.

- Nhà đầu tư được đề xuất ngân hàng, tổ chức tín dụng bảo đảm cung cấp nguồn tài chính, tín dụng trong HSDT khác với ngân hàng, tổ chức tín dụng cam kết cung cấp nguồn tài chính, tín dụng đề xuất trong HSMST. Trong trường hợp này, Bên mời thầu sẽ đánh giá khả năng cung cấp nguồn tài chính, tín dụng của nhà đầu tư trên cơ sở đề xuất mới của nhà đầu tư.

- Thông tin về tình hình huy động vốn chủ sở hữu cho các dự án đang thực hiện dở dang.

- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền dự thầu.

PHẦN 2: YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

CHƯƠNG V. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

Căn cứ thông tin tại báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, Bên mời thầu tổng hợp thông tin về dự án, yêu cầu về thực hiện dự án, cụ thể bao gồm:

I. Thông tin về dự án

1. Tên dự án.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án.

3. Mục tiêu, phạm vi công việc của dự án.

4. Địa điểm thực hiện dự án; Quy mô, công suất dự án; Diện tích sử dụng đất (nếu có).

5. Tổng mức đầu tư/ tổng vốn đầu tư.

6. Vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án (nếu có).

7. Loại hợp đồng dự án.

8. Phương án tài chính.

9. Thời gian hợp đồng dự án.

10. Ưu đãi và bảo đảm đầu tư (nếu có).

II. Yêu cầu về thực hiện dự án

1. Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp

- Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp thông qua chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật.

- Yêu cầu về phương án kỹ thuật, công nghệ thực hiện dự án. Nhà đầu tư có thể đề xuất phương án kỹ thuật, công nghệ khác đáp ứng chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật và mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

2. Yêu cầu về phương thức tổ chức vận hành, quản lý và kinh doanh

- Yêu cầu về phương thức tổ chức vận hành, quản lý và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của nhà đầu tư.

- Yêu cầu về phương thức để cơ quan nhà nước có thẩm quyền phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong quá trình kinh doanh hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ của dự án.

- Yêu cầu về phương thức giám sát để đảm bảo cung cấp sản phẩm, dịch vụ ổn định, liên tục, đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.

3. Yêu cầu về môi trường và an toàn

- Yêu cầu về môi trường và an toàn mà nhà đầu tư phải đảm bảo trong quá trình xây dựng, quản lý, vận hành, kinh doanh hàng hóa, sản phẩm hoặc dịch vụ công.

4. Yêu cầu tài chính – thương mại của dự án

- Trường hợp HSMT sử dụng phương pháp giá dịch vụ để đánh giá về tài chính – thương mại, tại Mục này xác định rõ thời gian hoàn vốn và các yếu tố liên quan (vốn góp Nhà nước...); các yếu tố này cố định và được sử dụng trong phương án tài chính do nhà đầu tư đề xuất. Căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, HSMT xác định mức giá dịch vụ tối đa để nhà đầu tư có cơ sở đề xuất.

- Trường hợp HSMT sử dụng phương pháp vốn góp của Nhà nước để đánh giá về tài chính – thương mại, tại Mục này xác định rõ thời gian hoàn vốn, giá dịch vụ và các yếu tố có liên quan (giá dịch vụ...); các yếu tố này cố định và được sử dụng trong phương án tài chính do nhà đầu tư đề xuất. Căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt, HSMT xác định mức vốn góp của Nhà nước tối đa để nhà đầu tư có cơ sở đề xuất.

- Trường hợp HSMT sử dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước để đánh giá về tài chính – thương mại, tại Mục này các nội dung có liên quan (giá dịch vụ, vốn góp của Nhà nước, thời gian hoàn vốn...) cố định và được sử dụng trong phương án tài chính do nhà đầu tư đề xuất. Hiệu quả đầu tư được xác định thông qua tiêu chí đề xuất nộp ngân sách nhà nước. HSMT phải xác định mức giá trị nộp ngân sách nhà nước tối thiểu để nhà đầu tư có cơ sở đề xuất.

PHẦN 3: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Trên cơ sở hướng dẫn chung về nội dung hợp đồng dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức PPP, căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực của từng dự án cụ thể, Người có thẩm quyền, Bên mời thầu xây dựng dự thảo hợp đồng và đính kèm trong HSMT. Dự thảo hợp đồng quy định chi tiết các điều khoản của hợp đồng để làm cơ sở cho các bên đàm phán sơ bộ, đàm phán, hoàn thiện, ký kết thỏa thuận đầu tư, ký kết và thực hiện hợp đồng, đảm bảo phân chia rõ trách nhiệm, rủi ro, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật hiện hành.

chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết thỏa thuận đầu tư, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà đầu tư phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà đầu tư vẫn đáp ứng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu. Người có thẩm quyền sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết thỏa thuận đầu tư, ký kết hợp đồng với Nhà đầu tư trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án.

Nếu đến ngày___ tháng___năm___ *[trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng]* mà Nhà đầu tư không tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết thỏa thuận đầu tư, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà đầu tư sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

MẪU SỐ 12

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ *[ghi tên và địa chỉ của nhà đầu tư trúng thầu, sau đây gọi tắt là "Nhà đầu tư"]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng.*

Căn cứ Quyết định số___ ngày___ tháng___năm___ của Người có thẩm quyền ____ *[ghi tên Người có thẩm quyền, sau đây gọi tắt là "Người có thẩm quyền"]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án____ *[ghi tên dự án]*, Bên mời thầu____ *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là "Bên mời thầu"]* xin thông báo Người có thẩm quyền đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà đầu tư để thực hiện dự án ____ *[ghi tên dự án]* với thông tin hợp đồng là ____ *[ghi giá dịch vụ hoặc phần vốn góp nhà nước hoặc giá trị nộp ngân sách nhà nước trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (là giá dịch vụ trường hợp áp dụng phương pháp giá dịch vụ hoặc giá trị vốn góp Nhà nước trường hợp áp dụng phương pháp vốn góp Nhà nước hoặc giá trị đề xuất nộp ngân sách nhà nước trường hợp áp dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước]* với thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà đầu tư tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Người có thẩm quyền, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____*[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm ____*[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*.

- Thời gian ký kết thỏa thuận đầu tư: ____ *[ghi thời gian ký kết thỏa thuận đầu tư]*; tại địa điểm ____ *[ghi địa điểm ký kết thỏa thuận đầu tư]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm ___ *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 13 Phần 3 – Dự thảo hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng của Hồ sơ mời thầu với số tiền ___ và thời gian có hiệu lực___ *[ghi số tiền và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 42 CDNĐT của Hồ sơ mời thầu]*.

Văn bản này là một phần không tách rời của hồ sơ thỏa thuận đầu tư, hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà đầu tư phải có văn bản

MẪU SỐ 13

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG[1]

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng]*

(sau đây gọi là Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng)

Theo đề nghị của ____ *[ghi tên nhà đầu tư]* (sau đây gọi là nhà đầu tư) là nhà đầu tư được lựa chọn để thực hiện dự án ____ *[ghi tên dự án]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng để thực hiện dự án nêu trên (sau đây gọi là hợp đồng); [2]

Theo quy định trong HSMT *(hoặc hợp đồng)*, Nhà đầu tư phải nộp cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* ở ____ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng[3]]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà đầu tư với số tiền là ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 42.1 CDNĐT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng thông báo Nhà đầu tư vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.[4]

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng.

(2) Nếu ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của ____ *[ghi tên nhà đầu tư]* (sau đây gọi là nhà đầu tư) là Nhà đầu tư trúng thầu dự án ____ *[ghi tên dự án]* đã ký hợp đồng số *[ghi số hợp đồng]* ngày ____ tháng

____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 42.1. CDNĐT.